



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM  
VIỆN CHIẾN LƯỢC NGÂN HÀNG

**BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC  
SỐ - 03.2024**



*Hà Nội, tháng 4 năm 2024*

# BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

SỐ - 03.2024

® Bản tin này được Ban biên tập tổng hợp từ các báo cáo, đề tài nghiên cứu định kỳ liên quan đến lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân hàng của các tổ chức quốc tế như WB, ADB, IMF, BIS... ; thông tin kết quả nghiên cứu nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ngân hàng Nhà nước đã được nghiệm thu trong tháng; thông tin về các hội thảo, tọa đàm khoa học, thư mời viết bài và tham dự hội thảo trong lĩnh vực kinh tế tài chính - ngân hàng của các tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu, trường đại học; ấn phẩm khoa học của các nhà xuất bản có uy tín tại Việt Nam và trên thế giới, phù hợp với quy định pháp luật về báo chí và bản quyền.

® Mọi quan điểm, nội dung trong Bản tin đều được dịch hoặc căn cứ vào thông tin chính thống, chỉ có hàm ý cung cấp thông tin tham khảo mà không phản ánh ý kiến hay quan điểm của Ban Biên tập cũng như của Viện Chiến lược ngân hàng. Người đọc chỉ nên sử dụng Bản tin như là thông tin tham khảo.

Chịu trách nhiệm xuất bản: Viện Chiến lược Ngân hàng  
Địa chỉ: 504 Xã Đàn, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội.  
Tel: (04) 39366306; Fax: (04) 39361271  
Email: [vienchienluoc@sbv.gov.vn](mailto:vienchienluoc@sbv.gov.vn)  
Website: <http://khoa hocnganhang.org.vn/>

Hà Nội, tháng 4 năm 2024

## MỤC LỤC

BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ _____	4
1. Liệu Fintech có làm tăng mức chấp nhận rủi ro của ngân hàng? _____	4
2. Tác động tài chính cấp độ vĩ mô của tiền kỹ thuật số nước ngoài _____	5
3. Công ty công nghệ lớn và kênh tín dụng của chính sách tiền tệ _____	6
4. Mặt tối của Mặt trăng? Công nghệ tài chính và Ổn định tài chính _____	7
5. Liệu Fintech có ăn bữa trưa của ngân hàng? _____	8
6. Fintech và sự chuyển đổi số của dịch vụ tài chính: hàm ý đối với cấu trúc thị trường và chính sách công _____	9
NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU _____	12
Fintech và sự chuyển đổi số của dịch vụ tài chính: hàm ý đối với cấu trúc thị trường và chính sách công (phần 1) _____	12
ĐỀ TÀI KHOA HỌC _____	41
1. Đề tài cấp Bộ: Nghiên cứu giải pháp mở rộng kho dữ liệu Ngân hàng Nhà nước phục vụ mục tiêu quản lý điều hành và cung cấp dịch vụ công _____	41
2. Đề tài cấp Bộ: Quy trình xử lý vận hành của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia theo thiết kế hybrid _____	42
3. Đề tài cấp Cơ sở: Công tác thẩm định dự thảo kết luận thanh tra trong lĩnh vực ngân hàng - Thực trạng và giải pháp _____	43
4. Đề tài cấp Cơ sở: Nghiên cứu công nghệ sản xuất pigment hấp thụ hồng ngoại ứng dụng cho mực in bảo an _____	45
ẤN PHẨM KHOA HỌC _____	47
1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về dịch vụ công ở Việt Nam hiện nay _____	47
2. Kinh tế học thời khó nhọc _____	47
SỰ KIỆN KHOA HỌC _____	49
1. Tọa đàm đối thoại chính sách “30 năm phát triển của Việt Nam: Nhìn lại quá khứ và ứng phó với thách thức mới” _____	49
2. Hội thảo khoa học “Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2024”. _____	51
THƯ MỜI VIẾT BÀI VÀ THAM DỰ HỘI THẢO, TỌA ĐÀM _____	53
THÔNG TIN THAM KHẢO _____	56

## BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ

### 1. Liệu Fintech có làm tăng mức chấp nhận rủi ro của ngân hàng?

- *Nguồn: IMF*
- *Tác giả: Selim Elekdag, Drilona Emrullahu và Sami Ben Naceur*
- *Ngày xuất bản: 01/2024*
- *Từ khóa: Công nghệ tài chính; chấp nhận rủi ro của ngân hàng; cạnh tranh*

Trước sự tăng trưởng nhanh chóng của các Fintech, bài viết này xem xét các hoạt động của Fintech có ảnh hưởng như thế nào tới việc chấp nhận rủi ro của các trung gian tài chính (FIs). Bài viết này rà soát lại một cuộc tranh luận đang diễn ra về ảnh hưởng của cạnh tranh tới ổn định tài chính: một mặt, cạnh tranh khuyến khích việc chấp nhận rủi ro (giả thuyết cạnh tranh-rủi ro); mặt khác, cạnh tranh làm tăng ổn định tài chính (giả thuyết cạnh tranh-ổn định). Sử dụng dữ liệu từ hơn 10.000 FIs và các hoạt động của Fintech trên phạm vi toàn cầu, chúng tôi tìm thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa hoạt động của các Fintech và mức độ chấp nhận rủi ro của các FIs, từ đó ủng hộ giả thuyết cạnh tranh-rủi ro. Tuy nhiên, khi được đưa vào mô hình nghiên cứu, các đặc điểm của ngân hàng, ngành và quốc gia làm thay đổi mối quan hệ kể trên. Điểm quan trọng là sự hiện diện nhiều hơn của Fintech làm giảm mức độ chấp nhận rủi ro của FIs trong điều kiện chất lượng thể chế được tăng cường. Bài viết này đưa ra một khuôn khổ mới giúp giải thích những sự khác biệt trong kết quả nghiên cứu của hai giả thuyết về cạnh tranh.

Mặc dù thị phần hiện tại của các Fintech ở các thị trường lớn vẫn còn tương đối thấp, ước tính khoảng khoảng 2% dư nợ tín dụng, tốc độ tăng trưởng trung bình của Fintech trong giai đoạn 2012-2020, ngoại trừ Trung Quốc, lên tới 70%. Sự trỗi dậy của Fintech mang lại cả cơ hội và thách thức cho ngành dịch vụ tài chính. Đổi mới công nghệ hứa hẹn mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính, gia tăng sự đa dạng sản phẩm, tăng cường sự thuận tiện và giảm chi phí cho khách hàng. Tuy nhiên, nó cũng có ảnh hưởng tới mức độ tập trung thị trường, mức độ cạnh tranh và khả năng cạnh tranh trong cung ứng các dịch vụ tài chính, bao gồm cả lợi ích và rủi ro tiềm ẩn. Một mặt, các Fintech làm gia tăng sự cạnh tranh và đa dạng hơn trong hoạt động cho vay, thanh toán, giao dịch và các dịch vụ tài chính khác, dẫn đến thúc đẩy tài chính toàn diện và mở rộng cơ sở khách hàng. Điều này có thể dẫn đến cải thiện doanh thu, nâng cao hiệu quả và gia tăng khả năng chống chịu của hệ thống ngân hàng. Mặt khác, cạnh tranh có thể gây áp lực lên lợi nhuận của các tổ chức tài chính truyền thống, và các tổ chức này có thể phản ứng lại bằng cách chấp nhận thêm rủi ro để duy trì lợi nhuận. Kết quả nghiên cứu chỉ ra một thể chế vững mạnh kết hợp với khuôn khổ chính sách mạnh mẽ có thể giúp vừa thu được lợi

ích từ các Fintech và vừa duy trì ổn định tài chính. Đặc biệt, khung pháp lý cần được củng cố thông qua một nền tảng pháp lý vững chắc, được điều chỉnh chỉnh cho phù hợp theo điều kiện cụ thể của từng quốc gia và được cập nhật thường xuyên. Ngoài ra, hoạt động giám sát phải được thực hiện nghiêm ngặt với sự tham gia của ngân hàng trung ương. Các tổ chức này cần giám sát chặt chẽ hành vi chấp nhận rủi ro của các tổ chức tài chính, đặc biệt trong bối cảnh các hoạt động Fintech ngày càng gia tăng.

Tải về toàn văn tại đây

Mục Lục

## 2. Tác động tài chính cấp độ vĩ mô của tiền kỹ thuật số nước ngoài

- *Nguồn: IMF*
- *Tác giả: Anh H. Le, Alexander Copestake, Brandon Tan, Evan Papageorgiou, S. Jay Peiris và Umang Rawa*
- *Ngày xuất bản: 12/2023*
- *Từ khóa: Tiền mã hóa; nền kinh tế mở; ma sát tài chính; chính sách tối ưu*

Chúng tôi phát triển một mô hình Keynes mới giữa hai quốc gia với sự thay thế tiền tệ nội sinh và ma sát tài chính để xem xét tác động của một stablecoin được phát hành tại một nền kinh tế lớn tới một nền kinh tế nhỏ đang phát triển. Stablecoin cung cấp cho các hộ gia đình nội địa chức năng thanh khoản và là một công cụ phòng ngừa trước lạm phát trong nước. Sự lưu hành của stablecoin cho phép hiện tượng thay thế tiền tệ diễn ra dễ dàng hơn, làm giảm đi vai trò trung gian của các ngân hàng và làm suy yếu kênh truyền dẫn chính sách tiền tệ, làm trầm trọng hơn tác động của các cú sốc suy thoái và gia tăng căng thẳng trong hệ thống ngân hàng. Các hoạt động kiểm soát dòng vốn làm gia tăng sự phổ biến của stablecoin như một công cụ để lách các quy định pháp luật, làm tăng sự lan truyền rủi ro từ các cú sốc bên ngoài nền kinh tế. Khác với đồng tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương, lệnh cấm đối với stablecoin có thể làm giảm bớt những tác động kể trên.

Sự phát triển của hệ thống tiền tệ quốc tế thường làm dấy lên mối lo ngại về tác động lan truyền tới các nước đang phát triển và sự xuất hiện của các hình thức tiền kỹ thuật số mới đây cũng không phải là ngoại lệ. Khi tiền kỹ thuật số nước ngoài có thể truy cập dễ dàng và hấp dẫn hơn tiền nội địa thì sẽ có nguy cơ xuất hiện tình trạng đô la hóa kỹ thuật số hoặc tiền điện tử hóa. Các nền kinh tế nhỏ có thể lựa chọn một số giải pháp để giảm thiểu những thách thức tiềm ẩn từ việc xuất hiện của các stablecoin nước ngoài. Mặc dù đồng tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương trong nước có thể giảm tỷ lệ nắm giữ stablecoin nhưng điều đó không giúp làm mất đi vai trò của stablecoin trong việc

truyền dẫn các cú sốc từ nước ngoài vào nền kinh tế nội địa. Đồng tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương vẫn có mệnh giá bằng nội tệ, do đó không thể thay thế hoàn toàn stablecoin trong việc bảo vệ sức mua khỏi lạm phát trong nước. Ngược lại, một lệnh cấm đơn phương ở trong nước đối với việc nắm giữ và sử dụng stablecoin là một giải pháp hữu ích.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Mục Lục](#)

### 3. Công ty công nghệ lớn và kênh tín dụng của chính sách tiền tệ

- *Nguồn: BIS*
- *Tác giả: Fiorella De Fiore, Leonardo Gambacorta và Cristina Manea*
- *Ngày xuất bản: 09/2023*
- *Từ khóa: Công ty công nghệ lớn; chính sách tiền tệ; ma sát tín dụng*

Chúng tôi phân tích tín dụng do công ty công nghệ lớn (Big Techs) cung ứng thông qua một mô hình toán, trong đó các Big Techs giúp việc kết nối người dùng và nhà cung cấp trên nền tảng thương mại điện tử và cung ứng các khoản vay. Các Big Techs giúp tăng mức độ hoàn trả tín dụng thông qua quy định về việc bị trục xuất khỏi nền tảng trong khi tín dụng ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản thế chấp. Mô hình của chúng tôi đưa ra một số gợi ý: (i) sự gia tăng hiệu quả trong kết nối người dùng và nhà cung cấp làm tăng giá trị cho các doanh nghiệp giao dịch trên nền tảng và làm tăng khả năng cung ứng tín dụng của các Big Techs; (ii) tín dụng do các Big Techs cung ứng giúp làm giảm nhẹ phản ứng ban đầu của sản lượng trước cú sốc tiền tệ nhưng lại kéo dài thời gian tác động; (iii) lợi ích do các Big Techs mang lại bị giới hạn bởi các khoản phí thu của người dùng.

Các Big Techs như Alibaba, Amazon, Facebook hay Mercado Libre đều tham gia vào thị trường tài chính thông qua cung cấp các khoản tín dụng cho các nhà cung cấp trên nền tảng thương mại điện tử của họ. Từ mức chỉ khoảng 11 tỷ vào năm 2013, tín dụng của các Big Techs đã gia tăng nhanh chóng trong những năm gần đây, đạt 530 tỷ USD trong năm 2019. Bài nghiên cứu xem xét sự gia nhập của các Big Techs vào lĩnh vực tài chính có ảnh hưởng như thế nào tới truyền tải chính sách tiền tệ. Tín dụng của các Big Techs và ngân hàng phản ứng rất khác nhau trước các cú sốc từ giá bất động sản và doanh thu thương mại điện tử. Việc mở rộng của các Big Techs (đo lường bằng mức độ hiệu quả trong việc kết nối trên các nền tảng thương mại) làm tăng giá trị của các doanh nghiệp trên nền tảng và làm tăng khả năng cung ứng tín dụng của chính các Big Techs. Nhờ đó, Big Techs giúp nói lỏng các điều kiện tài chính và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trước một cú sốc tiền tệ,

phản ứng của tín dụng do các Big Techs cung ứng là nhẹ hơn so với phản ứng của tín dụng ngân hàng nhờ vào sự khác biệt trong cơ chế bảo đảm tín dụng. Tuy nhiên, lợi ích do các Big Techs mang lại bị giới hạn bởi các khoản phí thu của người dùng.

Tải về toàn văn tại đây

Mục Lục

## 4. Mặt tối của Mặt trăng? Công nghệ tài chính và Ổn định tài chính

- *Nguồn: IMF*
- *Tác giả: International Monetary Fund & Serhan Cevik*
- *Ngày xuất bản: 12/2023*
- *Từ khóa: Dịch vụ tài chính kỹ thuật số; Tín dụng trong nước; Chính sách và phân tích khu vực tài chính; Rủi ro khu vực tài chính; Sự ổn định của khu vực tài chính; Công nghệ tài chính*

Những tiến bộ nhanh chóng trong công nghệ kỹ thuật số đang cách mạng hóa hệ thống tài chính. Sự trỗi dậy của Fintech có thể làm cho các hệ thống tài chính trở nên hiệu quả và cạnh tranh hơn, đồng thời mở rộng khả năng tiếp cận tài chính. Tuy nhiên, với sự phức tạp ngày càng cao về công nghệ, Fintech cũng tiềm ẩn những rủi ro hệ thống. Trong bài viết này, tác giả sử dụng một tập dữ liệu mới để theo dõi sự phát triển của Fintech (không bao gồm tiền điện tử) và đánh giá thực nghiệm tác động của sự phát triển Fintech đối với sự ổn định tài chính ở một nhóm gồm 198 quốc gia trong giai đoạn 2012–2020. Phân tích cung cấp những hiểu biết thú vị về mối tương quan giữa Fintech với sự ổn định tài chính: (i) mức độ tác động và ý nghĩa thống kê của Fintech phụ thuộc vào loại công cụ (cho vay kỹ thuật số so với huy động vốn kỹ thuật số); (ii) tác động tổng thể của tất cả các công cụ Fintech là tiêu cực do tổng tỷ trọng cho vay kỹ thuật số chiếm phần lớn, mặc dù không đáng kể về mặt thống kê; và (iii) trong khi việc huy động vốn kỹ thuật số được ước tính có tác động tích cực đến sự ổn định tài chính ở các nền kinh tế tiên tiến thì tác động của nó lại là tiêu cực ở các nước đang phát triển. Fintech vẫn còn nhỏ so với các định chế tài chính truyền thống, nhưng đang mở rộng nhanh chóng sang các phân khúc rủi ro hơn của lĩnh vực tài chính và tạo ra những thách thức mới cho các nhà hoạch định chính sách.

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ kỹ thuật số làm các hệ thống tài chính trở nên hiệu quả hơn nhưng cũng đặt ra những rủi ro cho sự ổn định tài chính. Vì vậy, tác giả đã nghiên cứu thực nghiệm tác động của sự phát triển Fintech đối với ổn định tài chính ở 198 quốc gia trong giai đoạn 2012-2020. Kết quả nghiên cứu có những ý nghĩa thú vị cho

các nhà hoạch định chính sách. Một mặt, tác động tổng thể của tất cả các công cụ Fintech là tiêu cực do tổng tỷ trọng cho vay kỹ thuật số chiếm phần lớn, mặc dù không đáng kể về mặt thống kê. Mặt khác, việc huy động vốn kỹ thuật số được ước tính có tác động tích cực đến sự ổn định tài chính ở các nền kinh tế tiên tiến nhưng tác động của nó lại là tiêu cực ở các nước đang phát triển. Fintech vẫn còn nhỏ so với các định chế tài chính truyền thống, nhưng đang mở rộng nhanh chóng sang các phân khúc rủi ro hơn của lĩnh vực tài chính. Vì vậy, các nhà hoạch định chính sách sẽ cần xây dựng các chính sách vừa khuyến khích sự phát triển vừa đồng thời quản lý được rủi ro từ sự phát triển của Fintech.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Mục Lục](#)

## 5. Liệu Fintech có ăn bữa trưa của ngân hàng?

- *Nguồn: IMF*
- *Tác giả: Sami Ben Naceur, Bertrand Candelon, Selim Elekdag và Drilona Emrullahu*
- *Ngày xuất bản: 11/2023*
- *Từ khóa: Công nghệ tài chính; lợi nhuận ngân hàng; cuộc thi; mô hình kinh doanh*

Bài viết này xem xét sự hiện diện ngày càng tăng của các công ty Fintech ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả hoạt động của các tổ chức tài chính truyền thống. Các phát hiện này chỉ ra tác động tiêu cực đến lợi nhuận, chủ yếu là do thu nhập từ lãi giảm xuống và chi phí hoạt động tăng lên. Mặc dù các tổ chức tài chính lâu đời đã cố gắng đa dạng hóa nguồn thu của mình nhưng những nỗ lực này đã được chứng minh là không đủ để bù đắp những tổn thất liên quan đến sự cạnh tranh ngày càng tăng từ các công ty Fintech. Nghiên cứu cũng tiết lộ rằng các mô hình kinh doanh Fintech khác nhau, chẳng hạn như cho vay ngang hàng (P2P) và cho vay trên Bảng cân đối kế toán, có những tác động khác nhau đối với các tổ chức tài chính. Các ngân hàng hợp tác xã trải qua sự suy giảm lợi nhuận đáng kể hơn theo cả hai mô hình, trong khi các ngân hàng thương mại (quy mô lớn hơn) dường như được hưởng lợi từ quan hệ đối tác với nền tảng P2P, bằng chứng là thu nhập ngoài lãi tăng lên. Hơn nữa, các phát hiện cho thấy sự hiện diện của Fintech có tác động bất lợi lớn hơn và không đồng đều giữa các ngân hàng ở các quốc gia có hệ thống tài chính phát triển, có lợi nhuận và cạnh tranh hơn. Tuy nhiên, điều thú vị là các tổ chức tài chính truyền thống ở các quốc gia có khung pháp lý chặt chẽ hơn dường như được hưởng lợi từ tầm ảnh hưởng ngày càng rộng của các công ty Fintech.



Bài nghiên cứu xem xét tác động của sự gia nhập của các công ty Fintech đối với động lực cạnh tranh trong hệ thống tài chính toàn cầu. Nghiên cứu sử dụng các giao dịch Fintech để đo lường mức độ cạnh tranh, bao gồm các hoạt động tài chính số như cho vay số và huy động số diễn ra bên ngoài các tổ chức tài chính truyền thống. Bài nghiên cứu không chỉ xem xét ảnh hưởng đến lợi nhuận ngân hàng mà còn xem xét ảnh hưởng từ hiệu ứng bổ sung và hiệu ứng thay thế. Theo giả thuyết bổ sung, nghiên cứu kỳ vọng các nền tảng Fintech sẽ bổ sung cho các công ty đương nhiệm và cải thiện hiệu suất của họ bằng cách tăng khả năng sinh lời thông qua thu nhập lãi và thu nhập ngoài lãi cao hơn cũng như chi phí thấp hơn. Ngược lại, theo giả thuyết thay thế, nghiên cứu kỳ vọng các nền tảng Fintech sẽ thay thế các nền tảng hiện tại và ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của họ bằng cách giảm khả năng sinh lời thông qua thu nhập lãi và thu nhập ngoài lãi thấp hơn cũng như chi phí cao hơn. Kết quả ước lượng cho thấy tác động tiêu cực của sự hiện diện Fintech đối với lợi nhuận, chủ yếu do doanh thu giảm và chi phí tăng lên. Những giải pháp đa dạng hóa nguồn thu của các ngân hàng cũng không đủ bù đắp sự giảm chung về lợi nhuận. Bài nghiên cứu phân tích tác động của các mô hình công ty Fintech khác nhau, cụ thể là mô hình cho vay P2P và cho vay Bảng cân đối kế toán, đến các loại hình tổ chức tài chính khác nhau. Kết quả phân tích cho thấy ngân hàng hợp tác xã dễ bị suy giảm lợi nhuận từ cả hai mô hình trong khi các ngân hàng thương mại (quy mô lớn hơn và phức tạp hơn) vẫn phát triển với thu nhập ngoài lãi cao hơn. Nói cách khác, ngân hàng thương mại hưởng lợi nhiều hơn từ việc hợp tác với công ty Fintech.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Mục Lục](#)

## **6. Fintech và sự chuyển đổi số của dịch vụ tài chính: hàm ý đối với cấu trúc thị trường và chính sách công**

- *Nguồn: BIS*
- *Tác giả: Erik Feyen, Jon Frost, Leonardo Gambacorta, Harish Natarajan và Matthew Saal*
- *Ngày xuất bản: 7/2021*
- *Từ khóa: Công nghệ lớn, Fintech, tín dụng, thị trường tài chính, dữ liệu, công nghệ, đổi mới kỹ thuật số, hiệu ứng mạng lưới, quy định pháp lý.*

Những xung đột kinh tế như sự bất cân xứng thông tin và các nhân tố kinh tế như hiệu ứng kinh tế theo quy mô và phạm vi làm xuất hiện các trung gian tài chính. Những xung đột và nhân tố này cũng định hình cấu trúc thị trường. Mặc dù những tiến bộ công nghệ không phải là mới trong lĩnh vực tài chính, nhưng đổi mới kỹ thuật số đã mang lại

những cải tiến lớn về khả năng kết nối các hệ thống, về năng lực tính toán và chi phí, cũng như về dữ liệu mới được tạo ra và có thể sử dụng. Những cải tiến này đã giảm bớt chi phí giao dịch và tạo ra các mô hình kinh doanh mới và thu hút các chủ thể mới. Vì công nghệ đã giúp tăng cường trao đổi thông tin và giảm chi phí giao dịch nên quá trình tạo ra các dịch vụ tài chính có thể phân tách. Những tổ chức chuyên biệt có các dịch vụ tài chính riêng biệt, cho phép người tiêu dùng tìm và tập hợp thành bộ sản phẩm ưa thích của mình. Tuy nhiên, các nhân tố kinh tế truyền thống vẫn còn phù hợp ngay cả trong thời đại sản xuất số. Hiệu ứng kinh tế theo quy mô, phạm vi và mạng lưới vẫn hiện diện trong nhiều khía cạnh của hoạt động cung ứng dịch vụ tài chính, bao gồm thu hút khách hàng, cấp vốn, hoạt động tuân thủ, dữ liệu và vốn (bao gồm cả vốn ủy thác). Bất chấp những tiến bộ trong công nghệ, chi phí tìm kiếm và kết nối khách hàng vẫn còn lớn. Các nhân tố này khuyến khích việc kết hợp lại và mang lại lợi thế cho các nhà cung cấp nhiều sản phẩm và có quy mô lớn, bao gồm các công ty công nghệ (công nghệ lớn) mở rộng sang dịch vụ tài chính từ các thị trường lân cận. Việc chuyển đổi số của các dịch vụ tài chính làm phát sinh một loạt vấn đề chính sách quan trọng liên quan đến cạnh tranh, phạm vi pháp lý và bảo đảm bình đẳng. Các kết quả tiềm năng liên quan đến cạnh tranh, mức độ tập trung và cấu trúc thị trường kể cả kết quả có tính phân tán cao, gồm một số ít nhà cung cấp lớn và nhiều tổ chức có phân khúc riêng biệt. Chính quyền cần phối hợp giữa các cơ quan quản lý tài chính, cơ quan quản lý cạnh tranh và quản lý ngành để quản lý cân bằng giữa sự ổn định và liêm chính, cạnh tranh và hiệu quả cũng như bảo vệ người tiêu dùng và quyền riêng tư.

Phân tích gợi ý một số chính sách quan trọng liên quan đến cạnh tranh, phạm vi pháp lý và đảm bảo một sân chơi bình đẳng. Rủi ro tập trung có thể gia tăng trong việc cung cấp dịch vụ tài chính cho người dùng cuối và trong việc cung cấp cơ sở hạ tầng cho các tổ chức tài chính. Cấu trúc thị trường tập trung dữ liệu và tăng cường hiệu ứng mạng lưới có thể làm giảm chi phí trung gian và mở rộng khả năng gia nhập. Tuy nhiên, ở nhiều thị trường, sức mạnh thị trường có được có thể bị coi là một yếu tố bất lợi. Các cơ quan quản lý cạnh tranh sẽ phải đạt được sự cân bằng phù hợp với nhu cầu của thị trường, vì các xã hội khác nhau sẽ có những ưu tiên khác nhau đối với kết quả từ cấu trúc thị trường. Đồng thời, các cơ quan quản lý tài chính đang nỗ lực quản lý sự đánh đổi chính sách giữa (i) sự ổn định và liêm chính, (ii) cạnh tranh và hiệu quả, và (iii) bảo vệ quyền riêng tư và bảo vệ người tiêu dùng. Ví dụ, kết quả nghiên cứu chỉ ra những thách thức về sự ổn định đối với cả người chi trả có quy mô lớn và nhỏ. Việc truy cập rộng rãi vào dữ liệu làm tăng mối lo ngại về quyền riêng tư. Các cơ quan quản lý cần cân bằng giữa sự đổi mới sáng tạo và hiệu quả do những chủ thể mới mang lại với những thách thức tiềm ẩn trong việc giám sát, thực thi và bảo vệ người tiêu dùng. Các phương pháp tiếp cận mới về mặt chính sách – chẳng hạn như các quy tắc chống độc quyền mới cho kỹ nguyên số, các yêu cầu về trao đổi dữ liệu và luật bảo vệ dữ liệu – có thể giúp giảm thiểu sự đánh đổi giữa các

chính sách. Tuy nhiên, trách nhiệm đối với những thay đổi này thường thuộc về các cơ quan công quyền và các cơ quan lập pháp khác nhau. Các cơ quan chức năng sẽ cần phải hợp tác để định hướng lĩnh vực mới này một cách hiệu quả và cân bằng các mục tiêu cần thiết. Sự hợp tác giữa các ngân hàng trung ương, cơ quan quản lý ngành tài chính, cơ quan quản lý ngành khác cũng như các cơ quan bảo vệ dữ liệu và cạnh tranh cần phải được thực hiện trên phạm vi trong và ngoài nước. Sự hợp tác như vậy có thể giúp đảm bảo tính nhất quán về quy định và tăng cường học hỏi lẫn nhau trong và giữa các quốc gia, góp phần đạt được kết quả phát triển tốt hơn cho đất nước.

Tải về toàn văn tại đây

Mục Lục

## NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU

### Fintech và sự chuyển đổi số của dịch vụ tài chính: hàm ý đối với cấu trúc thị trường và chính sách công (phần 1)

Erik Feyen (Ngân hàng Thế giới), Jon Frost (Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS) và Trung tâm Tài chính Thay thế Cambridge (CCAF)), Leonardo Gambacorta (BIS và Trung tâm Nghiên cứu Chính sách Kinh tế (CEPR)), Harish Natarajan (Ngân hàng Thế giới) và Matthew Saal (Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC))<sup>1</sup>

#### Tóm tắt

Những ma sát kinh tế như sự bất cân xứng thông tin và các nhân tố kinh tế như hiệu quả kinh tế theo quy mô và phạm vi làm xuất hiện các trung gian tài chính. Những ma sát và nhân tố này cũng định hình cấu trúc thị trường. Mặc dù những tiến bộ công nghệ không phải là mới đối với tài chính, nhưng đổi mới kỹ thuật số đã mang lại những cải tiến lớn về khả năng kết nối các hệ thống, về năng lực tính toán và chi phí, cũng như về dữ liệu mới được tạo ra và có thể sử dụng. Những cải tiến này đã giảm bớt chi phí giao dịch và tạo ra các mô hình kinh doanh mới và thu hút chủ thể mới tham gia. Vì công nghệ đã tăng cường trao đổi thông tin và giảm chi phí giao dịch nên quá trình tạo ra các dịch vụ tài chính có thể phân tách. Những tổ chức chuyên biệt có các dịch vụ tài chính riêng biệt, cho phép người tiêu dùng tìm và tập hợp thành bộ sản phẩm ưa thích của mình. Tuy nhiên, các nhân tố kinh tế truyền thống vẫn còn phù hợp ngay cả trong thời đại sản xuất số. Hiệu quả kinh tế theo quy mô, phạm vi và mạng lưới vẫn hiện diện trong nhiều khía cạnh của hoạt động cung ứng dịch vụ tài chính, bao gồm thu hút khách hàng, cấp vốn, hoạt động tuân thủ, dữ liệu và vốn (bao gồm cả vốn ủy thác). Bất chấp những tiến bộ trong công nghệ, chi phí tìm kiếm khách hàng và tập hợp vẫn còn lớn. Các nhân tố này khuyến khích việc kết hợp lại và mang lại lợi thế cho các tổ chức cung cấp nhiều sản phẩm quy mô lớn, bao gồm các công ty công nghệ (công nghệ lớn) mở rộng sang dịch vụ tài chính từ các thị trường lân cận. Việc chuyển đổi số của các dịch vụ tài chính làm phát sinh một loạt vấn đề chính sách quan trọng liên quan đến cạnh tranh, phạm vi pháp lý và đảm bảo một sân chơi bình đẳng. Các kết quả tiềm năng liên quan đến cạnh tranh, mức độ tập trung và cấu trúc thị trường, bao gồm kết quả có tính phân tán cao, gồm một số ít tổ chức cung cấp lớn và nhiều tổ chức có phân khúc riêng biệt. Chính quyền cần phối hợp giữa các cơ quan quản lý tài chính, cơ quan quản lý cạnh tranh và quản lý ngành để đảm bảo sự cân bằng giữa sự ổn định và liêm chính, cạnh tranh và hiệu quả cũng như bảo vệ người tiêu dùng và quyền riêng tư.

---

<sup>1</sup> Quan điểm trình bày ở đây là của các tác giả và không nhất thiết là của Ngân hàng Thanh toán Quốc tế hay Nhóm Ngân hàng Thế giới. Các tác giả cảm ơn Stijn Claessens, Miquel Dijkman, Sebastian Doerr, Sara Nyman, Jean Pesme, Beniamino Savonitto, Ghiath Shabsigh và Davide Strusani vì đóng góp những nhận xét. Các tác giả cảm ơn Giulio Cornelli vì sự hỗ trợ nghiên cứu xuất sắc. Bài viết này là một phần trong loạt ghi chú kỹ thuật phục vụ cho báo cáo “Fintech và Tương lai của Tài chính”, kết quả hợp tác của Ngân hàng Thế giới và Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC).

## Tổng quan

Tài chính đang trải qua một sự chuyển đổi sâu sắc. Đại dịch COVID-19 đã đẩy nhanh quá trình công nghệ số định hình lại các hoạt động thanh toán, cho vay, bảo hiểm và quản lý tài sản. Mặc dù điều này đang làm cho các dịch vụ tài chính ở nhiều nền kinh tế trở nên đa dạng, có tính cạnh tranh, hiệu quả và toàn diện hơn, nhưng cũng có thể làm tăng mức độ tập trung trên thị trường. Hơn nữa, một loạt các mục tiêu chính sách công quan trọng có thể đối mặt với những rủi ro mới. Bài nghiên cứu này dựa trên nền tảng kinh tế học cơ bản của các dịch vụ tài chính và cơ cấu tổ chức ngành tài chính để phân tích – với bằng chứng thực nghiệm gần đây – tác động của sáng tạo số tới cấu trúc thị trường và các chính sách đi kèm, bao gồm cả các quy định về tài chính và cạnh tranh.

Khuôn khổ chính cho cuộc thảo luận là những ma sát kinh tế như sự bất cân xứng thông tin và các yếu tố kinh tế như hiệu quả kinh tế theo quy mô và phạm vi. Những ma sát và các yếu tố này dẫn tới sự hình thành các trung gian tài chính và định hình cấu trúc thị trường. Nghiên cứu cho rằng mặc dù tiến bộ công nghệ không phải là mới đối với tài chính, nhưng đổi mới kỹ thuật số đã mang lại những cải tiến lớn về khả năng kết nối các hệ thống cũng như khả năng tính toán và chi phí, dẫn đến khối lượng lớn dữ liệu mới được tạo ra và có thể được sử dụng. Ví dụ: việc sử dụng điện thoại di động đã tăng lên trên toàn cầu, hoạt động kinh tế và xã hội đã chuyển sang trực tuyến (mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng) và các công nghệ mới như điện toán đám mây đã được áp dụng rộng rãi.

Những cải tiến này đã làm giảm bớt ma sát kinh tế, làm mờ ranh giới giữa công ty và ngành, đồng thời tạo ra các mô hình kinh doanh mới. Những doanh nghiệp công nghệ tài chính (Fintech) mới, thường nhỏ hơn và chuyên biệt hơn, đã tách riêng các dịch vụ tài chính (xem định nghĩa bên dưới). Tuy nhiên, các yếu tố kinh tế truyền thống vẫn có vai trò ảnh hưởng. Hiệu ứng quy mô và mạng lưới vẫn có tác động mạnh mẽ trong nền tảng kỹ thuật số và điện toán đám mây. Những hiệu quả kinh tế theo quy mô này, cùng với hiệu quả kinh tế theo phạm vi, khuyến khích việc tái hợp nhất và cho phép các công ty công nghệ lớn (công nghệ lớn) và những chủ thể mới khác thâm nhập sâu hơn vào các sản phẩm tài chính cốt lõi. Có các bằng chứng cho thấy các công ty công nghệ lớn nói riêng đang nhanh chóng mở rộng thị trường của họ trong lĩnh vực tài chính và sử dụng dữ liệu lớn để giảm yêu cầu về tài sản thế chấp. Trong khi đó, các tổ chức tài chính truyền thống đã thích nghi bằng cách áp dụng các công nghệ mới và phân tách hoạt động cung ứng dịch vụ tài chính của họ để nâng cao hiệu quả.

Sáng tạo kỹ thuật số có thể thúc đẩy một loạt thay đổi trong cơ cấu ngành. Một mặt, công nghệ số cho phép các tổ chức cung cấp với phân khúc riêng biệt tiếp cận cơ sở khách hàng mục tiêu và mang lại hiệu quả kinh tế. Mặt khác, các chi phí thu hút khách hàng, tài trợ vốn, “lắp ráp” và chuyển đổi có xu hướng mang lợi ích cho các tổ chức cung cấp dịch

vụ tài chính kỹ thuật số có quy mô lớn hơn. Một khả năng có thể xảy ra là kết quả “có tính phân tán cao” (“barbell”) bao gồm một số ít chủ thể cung ứng dịch vụ tài chính lớn và nhiều chủ thể cung ứng dịch vụ tài chính nhỏ lẻ. Những chủ thể cung ứng dịch vụ tài chính lớn với danh mục sản phẩm đa dạng có thể bao gồm các tổ chức tài chính truyền thống, công ty công nghệ tài chính và các công ty công nghệ lớn – bao gồm cả những tổ chức đã thành lập và những tổ chức mới tham gia. Những chủ thể cung ứng dịch vụ tài chính nhỏ có thể bao gồm các công ty Fintech cũng như các công ty hiện có, tập trung vào lĩnh vực chuyên biệt hoặc địa lý.

Mặc dù kết quả “có tính phân tán cao” không phải là kết quả tiềm năng duy nhất nhưng nó là trường hợp chủ yếu do sự tác động của các nhân tố kinh tế. Đó là một cấu trúc thị trường ở trạng thái ổn định tiềm năng khi một số bên tham gia tận dụng hiệu quả kinh tế theo quy mô và hiệu ứng mạng lưới để phát triển lớn hơn, trong khi sự đổi mới sáng tạo tiếp tục thu hút những chủ thể mới tham gia. Các bên tham gia sẽ có xu hướng tập trung vào một thị trường ngách hoặc nhắm đến không gian rộng lớn, đa dạng sản phẩm. Tuy nhiên, việc tiếp tục tách biệt, các rào cản của tổng hợp hoặc rào cản gia nhập có thể dẫn đến một cấu trúc thị trường khác.

Phân tích này chỉ ra các vấn đề chính sách quan trọng liên quan đến cạnh tranh, phạm vi pháp lý và đảm bảo một sân chơi bình đẳng. Rủi ro tập trung có thể gia tăng trong việc cung cấp dịch vụ tài chính cho người dùng cuối và trong việc cung cấp cơ sở hạ tầng cho các tổ chức tài chính. Các cấu trúc thị trường tập trung vào dữ liệu và tăng cường hiệu ứng mạng lưới có thể giảm chi phí trung gian và mở rộng khả năng gia nhập. Tuy nhiên, ở nhiều thị trường, sức mạnh thị trường có được có thể gây ra ảnh hưởng bất lợi. Các cơ quan quản lý cạnh tranh sẽ phải đạt được sự cân bằng phù hợp với nhu cầu của thị trường, vì mỗi xã hội khác nhau sẽ phù hợp với mỗi loại cấu trúc thị trường riêng.

Cùng lúc đó, các cơ quan quản lý tài chính đang nỗ lực quản lý sự đánh đổi chính sách giữa (i) ổn định và liêm chính, (ii) cạnh tranh và hiệu quả, và (iii) bảo vệ quyền riêng tư và bảo vệ người tiêu dùng. Ví dụ, kết quả “có tính phân tán cao” có thể đặt ra những thách thức về tính ổn định đối với cả người chi trả quy mô lớn và nhỏ. Việc truy cập rộng rãi vào dữ liệu làm tăng mối lo ngại về quyền riêng tư. Các cơ quan quản lý cần cân bằng giữa sự đổi mới sáng tạo và hiệu quả do những chủ thể mới tham gia mang lại với những thách thức tiềm ẩn trong việc giám sát, thực thi và bảo vệ người tiêu dùng. Các phương pháp tiếp cận chính sách mới – chẳng hạn như các quy tắc chống độc quyền mới trong kỷ nguyên số, các yêu cầu về di chuyển dữ liệu và luật bảo vệ dữ liệu – có thể giúp giảm thiểu sự đánh đổi chính sách. Tuy nhiên, trách nhiệm đối với những thay đổi này thường thuộc về các cơ quan công quyền và các cơ quan lập pháp khác nhau. Các cơ quan chức năng sẽ cần phải hợp tác để định hướng lĩnh vực mới này một cách hiệu quả và cân bằng các mục tiêu chính sách cần thiết. Sự hợp tác giữa các ngân hàng

trung ương, cơ quan quản lý ngành tài chính, cơ quan quản lý ngành khác cũng như các cơ quan bảo vệ dữ liệu và cạnh tranh cần phải được thực hiện trên phạm vi trong và ngoài nước. Sự hợp tác như vậy có thể giúp đảm bảo tính nhất quán về quy định và tăng cường học hỏi lẫn nhau trong và giữa các quốc gia, góp phần đạt được kết quả phát triển tốt hơn cho đất nước.

### ***Định nghĩa các thuật ngữ chính được sử dụng trong bài viết này***

*Dịch vụ tài chính kỹ thuật số (DFS) là các dịch vụ tài chính được cung ứng và sử dụng dựa vào công nghệ kỹ thuật số.*

*Fintech đề cập đến các công nghệ số có tiềm năng chuyển đổi việc cung cấp dịch vụ tài chính, thúc đẩy sự phát triển mới hoặc sửa đổi các mô hình, ứng dụng, quy trình và sản phẩm kinh doanh hiện có. Trong thực tế, thuật ngữ “Fintech” cũng được sử dụng rộng rãi để biểu thị làn sóng DFS mới đang diễn ra. Ví dụ về các công nghệ này bao gồm trang mạng, điện thoại di động, dịch vụ đám mây, học máy, ID số và giao diện lập trình ứng dụng (API).*

*Công ty Fintech là công ty chuyên cung cấp DFS cho người tiêu dùng hoặc cho phép các tổ chức cung cấp khác cung cấp DFS. Trong khi nhiều công ty trong số này còn khá mới đối với lĩnh vực tài chính, những công ty khác hiện đã là các công ty đại chúng có uy tín. Ví dụ về Fintech bao gồm tổ chức cung cấp thanh toán số (ví dụ PayPal), tổ chức cung cấp kết nối/cơ sở hạ tầng tài chính (ví dụ Plaid), công ty bảo hiểm số (ví dụ BIMA, Policy Bazaar), nền tảng cho vay ngang hàng (ví dụ Afluenta, Funding Circle, Investree).*

*Một công ty công nghệ lớn là một công ty lớn có hoạt động chính là dịch vụ số. Ví dụ về các công nghệ lớn bao gồm các công cụ tìm kiếm trực tuyến, nền tảng truyền thông xã hội, nền tảng thương mại điện tử, nền tảng gọi xe và nhà khai thác mạng di động. Nhiều công ty công nghệ lớn đã bắt đầu cung cấp DFS, tận dụng cơ sở khách hàng lớn của họ và dữ liệu họ có về các giao dịch và hoạt động làm phát sinh các khoản thanh toán hoặc nhu cầu về tín dụng, bảo hiểm hoặc các dịch vụ tài chính khác.*

## **1. Giới thiệu**

Sáng tạo kỹ thuật số đang chuyển đổi các dịch vụ tài chính. Những sáng tạo trong công nghệ tài chính như tiền di động, cho vay ngang hàng (P2P) hoặc cho vay thị trường, tư vấn rô bốt, công nghệ bảo hiểm (insurtech) và tài sản mã hóa đã xuất hiện trên khắp thế giới.<sup>2</sup> Trong thập kỷ qua, Fintech đã thúc đẩy khả năng tiếp cận và tính thuận tiện hơn của

<sup>2</sup> FSB (2017) và IMF và Nhóm Ngân hàng Thế giới (2019) đưa ra cái nhìn tổng quan.

các dịch vụ tài chính cho khách hàng cá nhân. Trong khi đó, trí tuệ nhân tạo (AI), dịch vụ đám mây và công nghệ sổ cái phân tán (DLT) đang chuyển đổi thị trường bán buôn trong các lĩnh vực đa dạng như giao dịch trên thị trường tài chính cũng như công nghệ quản lý và giám sát (regtech và supotech). Một loạt công ty mới đã nổi lên để áp dụng các công nghệ mới nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng và hầu hết các công ty lâu đời đều chỉ ra rằng chuyển đổi số là ưu tiên chiến lược (Feyen và cộng sự, 2021). Thật vậy, các ngân hàng hàng đầu đang nhanh chóng thu hẹp khoảng cách trong việc số hóa các quy trình nội bộ và dịch vụ khách hàng để cạnh tranh với các công ty Fintech và các công ty công nghệ lớn (big tech) cũng đã tham gia vào cuộc cạnh tranh (BIS, 2019; Frost và cộng sự, 2019).

Những thay đổi này có khả năng làm cho thị trường trở nên đa dạng, cạnh tranh, hiệu quả và toàn diện hơn, nhưng cũng có thể làm tăng mức độ tập trung. Sự sáng tạo đã tạo ra sự cạnh tranh và tăng cường sự hòa nhập, đặc biệt là ở các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển (Pazarbasioglu và cộng sự, 2020; Frost và cộng sự, 2021). Fintech dường như đã phát triển mạnh, đặc biệt ở những thị trường có hệ thống tài chính kém phát triển (FSB, 2020; Didier và cộng sự, 2021). Tuy nhiên, bản chất kinh tế của tài chính trung gian kết hợp với công nghệ mới có thể gia tăng mức độ tập trung giữa các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính cũ và mới. Các hành vi độc quyền hoặc chống cạnh tranh của các nền tảng công nghệ lớn đang bị điều tra kỹ lưỡng. Khi các dịch vụ tài chính ngày càng tập trung vào công nghệ, các cơ quan quản lý đang phải vất vả tìm câu trả lời cho câu hỏi về cách thức tốt nhất để điều tiết và giám sát bối cảnh ngày càng được đặc trưng bởi những chủ thể và mô hình kinh doanh mới; và giải quyết những thách thức tiềm ẩn đối với sự ổn định tài chính, tính toàn vẹn tài chính, cạnh tranh công bằng và bảo vệ người tiêu dùng (bao gồm cả quyền riêng tư dữ liệu).

Đại dịch COVID-19 đã đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Đặc biệt, nhu cầu kết nối số để thay thế các cuộc gặp gỡ trực tiếp giữa người tiêu dùng và tổ chức cung cấp, cũng như trong các quy trình sản xuất dịch vụ tài chính, sẽ ngày càng quan trọng hơn khi các nền kinh tế, tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính, doanh nghiệp và cá nhân đối phó với đại dịch và thế giới hậu COVID-19. Ví dụ: đại dịch đã đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang thanh toán kỹ thuật số (Auer và cộng sự, 2020a). Đại dịch cũng đã thúc đẩy thương mại điện tử (BIS, 2020; Alfonso và cộng sự, 2021), điều này có thể mang lại lợi ích cho các công ty công nghệ lớn và hoạt động tài chính của họ. Các quốc gia có chính sách COVID-19 nghiêm ngặt hơn và khả năng di chuyển trong nước thấp hơn đã có số lượt tải ứng dụng tài chính tăng mạnh hơn sau khi dịch bệnh bùng phát (Didier và cộng sự, 2021). Cuối cùng, đại dịch còn có thể đang đẩy nhanh quá trình phát triển các loại tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (CBDC) (Auer và cộng sự, 2020b).

Bài viết này xem xét ý nghĩa của sáng tạo kỹ thuật số đối với cấu trúc thị trường và các chính sách đi kèm, bao gồm cả quy định tài chính và cạnh tranh. Đã có một số cuộc



khảo sát về phản ứng pháp lý. Bài viết này quay lại xem xét lý thuyết kinh tế về ngân hàng và trung gian tài chính có thể cho chúng ta biết điều gì về cách thức công nghệ có thể thay đổi cấu trúc ngành và điều đó có thể cung cấp những phản ứng chính sách tiếp theo như thế nào. Bài nghiên cứu nhấn mạnh tác động của chuyển đổi số tài chính là đổi mới sáng tạo đã giúp giải quyết những thách thức lâu dài của trung gian tài chính - bao gồm thông tin bất cân xứng, sự không chắc chắn, thị trường không hoàn chỉnh và chi phí sản xuất cố định và biến đổi. Bài nghiên cứu mô tả cách thức sáng tạo số ảnh hưởng đến những ma sát kinh tế quan trọng trong lĩnh vực tài chính và làm thay đổi chuỗi giá trị dịch vụ tài chính và cơ cấu ngành. Các nhân tố thúc đẩy những thay đổi này và các kết quả tiềm năng về cơ cấu ngành, giúp các nhà hoạch định chính sách hiểu rõ hơn về cách khai thác lợi ích của Fintech, đồng thời giảm thiểu một số rủi ro, đặc biệt là về cạnh tranh và cấu trúc thị trường. Trọng tâm là các nhân tố kinh tế và công nghệ được áp dụng rộng rãi ở các dịch vụ tài chính. Bài nghiên cứu nhận định rằng lĩnh vực này bao gồm nhiều loại sản phẩm và dịch vụ khác nhau và bao gồm nhiều thị trường con sử dụng các công nghệ khác nhau hoặc có cấu trúc kinh tế khác nhau. Do đó, những điều này có thể đưa đến các cấu trúc thị trường và kết quả cạnh tranh khác nhau.

## 2. Những ma sát và nhân tố kinh tế trong dịch vụ tài chính

Về cơ bản, giống như các doanh nghiệp khác, các tổ chức tài chính tồn tại nhờ chi phí giao dịch (Baltensperger 1980). Do các bên không hoàn toàn tin tưởng nhau, các tương tác trên thị trường giữa bên cung và bên cầu gặp phải rủi ro, ví dụ như vấn đề giữa người ủy nhiệm và người đại diện; thông tin không đầy đủ hoặc không cân xứng. Việc giải quyết những vấn đề này để giảm thiểu rủi ro và tạo niềm tin gây ra chi phí cho cả doanh nghiệp và người tiêu dùng, bao gồm chi phí hợp đồng, chi phí tìm kiếm và xác minh. Ví dụ, hoạt động cho vay có đặc trưng bất cân xứng thông tin “trước khi cho vay”, vì người cho vay cần xác định mức độ rủi ro của những người đi vay tiềm năng và bất cân xứng thông tin “sau cho vay”, vì người cho vay cần giám sát khả năng trả nợ của người đi vay (Dewatripoint và Tirole, 1994). Một đặc điểm cơ bản của thị trường thanh toán là nhu cầu theo dõi nghĩa vụ thanh toán và xác thực chủ tài khoản hoặc mã thông báo thanh toán (Kahn và Roberds, 2009). Các bên khác nhau trong chuỗi xử lý thanh toán phải tin tưởng rằng các bên tham gia khác sẽ không gian lận hoặc đẩy trách nhiệm pháp lý cho mình và khách hàng yêu cầu có một tổ chức đáng tin cậy để gửi tiền và quy trình đáng tin cậy để thực hiện chuyển tiền. Hoạt động đầu tư và bảo hiểm trên thị trường tài chính phải đối mặt sự không chắc chắn về kết quả trong tương lai, lựa chọn đối nghịch và rủi ro đạo đức. Các tổ chức thiết lập sản phẩm đầu tư dựa vào dịch vụ bảo lãnh và tuân thủ hợp đồng để có thể cung cấp sản phẩm chất lượng cho khách hàng của mình. Đến lượt mình, khách hàng phải tin tưởng vào sự lành mạnh của các khoản đầu tư và sự vận hành làm nền tảng cho hoạt động mua và bán trên thị trường.

Giống như các ngành khác, nội bộ hóa các hoạt động bên trong một doanh nghiệp cung ứng dịch vụ tài chính duy nhất giúp giải quyết thách thức thông tin bất đối xứng và vấn đề giữa người ủy nhiệm và người đại diện, làm hài hòa lợi ích và giám sát các hoạt động. Điều này đảm bảo sự tin cậy trong tương tác giữa các nhóm. Việc liên kết hoạt động nhận tiền gửi với hoạt động cho vay thúc đẩy sự phối hợp chặt chẽ trong quản lý tài sản và nợ phải trả. Việc kết hợp thực hiện thanh toán với quản lý tài khoản cho phép tổ chức cung cấp xác thực sự sẵn có của nguồn tiền trước khi thực hiện chuyển khoản. Liên kết bảo lãnh, giao dịch và bán hàng cho phép các tổ chức tài chính thiết kế các sản phẩm đầu tư mới phù hợp với điều kiện thị trường và nhu cầu của nhà đầu tư.

Sự không chắc chắn về kết quả trong tương lai, chẳng hạn như liệu chủ thể đi vay có bị phá sản hay không, càng làm tăng thêm ma sát kinh tế. Bởi vì rất khó để thiết lập một hợp đồng cho vay cho tất cả các trạng thái tiềm năng về khả năng thanh toán của chủ thể đi vay – theo quan điểm thị trường không hoàn hảo của Arrow-Debreu (1954). Kết quả là, việc phân bổ nguồn lực có thể không hiệu quả: một số chủ thể đi vay sẽ phải trả lãi suất cao hơn để bù đắp những tổn thất dự kiến (nhưng không nhất thiết phải xảy ra) cho chủ thể cho vay, phải trả phí bảo hiểm hoặc chủ thể cho vay sẽ từ chối cho vay. Tổng quát hơn, khó khăn trong việc thiết kế sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu của các khách hàng khác nhau, do thông tin không cân xứng hoặc sự không chắc chắn về kết quả, khiến cho giá cả, thời hạn hoặc các điều khoản khác của sản phẩm không hoàn toàn phù hợp với nhu cầu của một số khách hàng. Khách hàng có thể từ chối sản phẩm/dịch vụ đó hoặc tổ chức tài chính trung gian không cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho một số phân khúc không mang lại hiệu quả kinh tế. Dù thế nào, sẽ có một số khách hàng không được phục vụ.

Các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính được hình thành để giải quyết những bất cân xứng thông tin cụ thể và những ma sát liên quan đến hoạt động trung gian. Các ngân hàng có chức năng giải quyết thách thức chuyển đổi kỳ hạn do thông tin không đầy đủ về nhu cầu thanh khoản trong tương lai của người gửi tiền. Ngân hàng cũng giải quyết chi phí giao dịch và đáp ứng nhu cầu quản lý rủi ro hoạt động đầu tư trung gian giữa khách hàng cá nhân thiếu kiến thức về đối tác của mình hoặc thông tin về các hoạt động kinh tế ở nơi khác. Các ngân hàng đa dạng hóa lượng lớn khách hàng đi vay để quản lý tốt hơn sự không chắc chắn. Các sàn giao dịch và các tổ chức môi giới giải quyết chi phí tìm kiếm và giao dịch của các tổ chức phát hành và nhà đầu tư riêng lẻ, giảm sự bất cân xứng thông tin thông qua các điều kiện niêm yết và công bố giá, đồng thời cung cấp cơ sở hạ tầng và dịch vụ phù hợp để thúc đẩy giao dịch giữa người mua và người bán không biết nhau. Bởi vì khách hàng không thấy phần lớn quá trình hoạt động trung gian và chỉ nhận ra rủi ro sau một thời gian dài, nên nhu cầu của khách hàng đối với các tổ chức trung gian tài chính đáng tin cậy được thể hiện rõ hơn so với các ngành khác. Tổ chức trung gian tài chính có được sự tin tưởng của khách hàng từ một sản phẩm thì có thể tận dụng niềm tin đó để cung cấp các dịch vụ khác.

Việc cung cấp các dịch vụ này không chỉ đòi hỏi nguồn thông tin và nguồn tài chính mà nhiều nguồn lực khác. Các nguồn lực này gồm lao động, thiết bị và cơ sở vật chất để lập hợp đồng tài chính, quản lý tài khoản và xử lý các giao dịch của khách hàng. Giải pháp kết hợp giữa lao động, vốn vật chất, vốn tài chính và vốn ủy thác là khác nhau tùy theo loại hình kinh doanh và ngày càng thay đổi nhanh chóng. Tuy nhiên, tương tự như hoạt động sản xuất ở các ngành khác, hoạt động cung ứng dịch vụ tài chính cũng chịu ảnh hưởng của ma sát kinh tế ở mức độ khác nhau, bao gồm cả tính khó phân chia (indivisibility) của nguồn lực thực và chi phí cố định. Do đó, trung gian tài chính không chỉ chịu sự tác động của ma sát giao dịch và thông tin riêng biệt mà với tư cách là một ngành, nó cũng chịu tác động của các yếu tố kinh tế quen thuộc ở các ngành khác.

Các yếu tố kinh tế cơ bản đang tác động đến cả nguồn tài chính và nguồn lực thực của các tổ chức tài chính. Các yếu tố bao gồm:

- *Hiệu quả kinh tế nhờ quy mô.* Về phía cung, các công ty tài chính truyền thống có nhu cầu đầu tư chi phí cố định lớn cho việc thành lập và duy trì hệ thống văn phòng hành chính và mạng lưới phân phối hữu hình để kết nối với người tiêu dùng. Yêu cầu về vốn tối thiểu và tuân thủ quy định cũng có thể tạo ra chi phí cố định. Giống như bất kỳ ngành nào có chi phí cố định, hiệu quả kinh tế nhờ quy mô xuất hiện khi một nhà sản xuất lớn hơn có thể phân bổ những chi phí đó cho lượng khách hàng lớn hơn. Hiệu quả kinh tế nhờ quy mô cũng cho phép đa dạng bảng cân đối kế toán để quản lý rủi ro thanh khoản và rủi ro tín dụng tốt hơn. Hiệu quả kinh tế nhờ quy mô có thể giảm chi phí cận biên của hành vi chấp nhận rủi ro (Mester 2010) và cho phép định giá tốt hơn và/hoặc tăng khả năng phục vụ nhiều đối tượng khách hàng hơn.

- *Hiệu quả kinh tế theo phạm vi.* Cũng về phía cung, các trung gian tài chính tận dụng hiệu quả kinh tế theo phạm vi bằng cách nhóm các dịch vụ tài chính liên quan tới nhau để có thể được cung cấp tại cùng một điểm giao dịch khách hàng và tạo ra nhiều lợi nhuận hơn trên cùng một bảng cân đối kế toán. Bán chéo các sản phẩm cho vay và bảo hiểm, cung cấp đồng thời cả sản phẩm bên tài sản và nguồn vốn, có thể làm giảm chi phí và tạo ra sự hiệp lực. Phía cầu tăng cường hiệu quả kinh tế theo phạm vi hơn nữa vì nhiều khách hàng ưa thích bộ sản phẩm, dịch vụ với tính năng thuận tiện hơn. Điều này cũng củng cố vai trò kiểm soát của trung gian tài chính đối với khách hàng.

- *Hiệu ứng mạng lưới.* Về phía cầu, hiệu ứng mạng lưới (hoặc “các tác động bên ngoài”) rất quan trọng trong dịch vụ tài chính như thanh toán, trong đó hiệu ứng mạng lưới đối với tất cả khách hàng (cả khách hàng chuyển tiền và khách hàng nhận tiền) tăng lên khi số lượng khách hàng được kết nối gia tăng. Một ngân hàng cung ứng dịch vụ cho tổ chức cung cấp và khách hàng của họ, có thể kết nối các chủ thể này hiệu quả hơn để nhanh chóng chuyển khoản thanh toán và cung cấp vốn lưu động.

Với công nghệ sẵn có và các quy định hiện hành, các nhân tố kinh tế này về mặt lịch sử đã mang lại lợi thế cho “những người đi đầu” và những trung gian tài chính lớn, tích hợp chiều dọc và chiều ngang. Điều này đặc biệt đúng đối với các sản phẩm dịch vụ thâm dụng vốn như cho vay, đối với các tổ chức nhận tiền gửi tiết kiệm của khách hàng và đối với các lĩnh vực thâm dụng vốn và có mạng lưới lớn như thanh toán.

## 2.1 Tác động của sáng tạo kỹ thuật số đối với những ma sát kinh tế quan trọng

Việc áp dụng công nghệ không phải là điều mới mẻ trong lĩnh vực tài chính, nhưng cho đến gần đây, hàng loạt rào cản đã được thiết lập trong môi trường hoạt động. Vào cuối thế kỷ 20, ngành này đã có đặc điểm là mức độ tin học hóa tương đối cao do hầu hết các dịch vụ tài chính đều được phi vật chất hóa.<sup>3</sup> Chỉ khi thanh toán yêu cầu tiền mặt hoặc séc, và việc quảng bá sản phẩm và dịch vụ mới thì mới đòi hỏi giao dịch trực tiếp hoặc sử dụng quy trình bằng giấy. Tuy nhiên, việc tiếp cận và kết nối với khách hàng thường xuyên đòi hỏi phải có cơ sở hạ tầng vật chất như các chi nhánh và máy rút tiền tự động (ATM). Khách hàng muốn sử dụng ngân hàng khác để giao dịch với các đối tác phải sử dụng các quy trình tốn kém và đôi khi chậm chạp hoặc rủi ro như chuyển khoản sang ngân hàng khác. Ngay cả sau khi ra đời hệ thống thanh toán kỹ thuật số và sự phi vật chất hóa chứng khoán, kết nối vẫn là rào cản gia nhập - một tổ chức phải được cấp phép và là một phần của tập đoàn ngân hàng hoặc công ty môi giới để tham gia vào mạng lưới giao dịch. Hơn nữa, việc xử lý và lưu trữ dữ liệu rất tốn kém, đòi hỏi phải vận hành các máy tính lớn và trung tâm dữ liệu riêng biệt. Điều này hạn chế khối lượng thông tin có thể được thu thập, lưu trữ, phân tích và trao đổi để nâng cao hiệu quả, giảm rủi ro về giá và điều chỉnh sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

### Tiến bộ công nghệ trong kết nối, xử lý và lưu trữ dữ liệu

Những tiến bộ công nghệ đáng kể đã diễn ra trong hai lĩnh vực chủ yếu, góp phần tạo nên làn sóng tài chính dựa trên công nghệ hiện nay:

- Sự gia tăng kết nối. Internet và công nghệ di động đã nhanh chóng đẩy mạnh khả năng truyền tải thông tin và tương tác từ xa, cả giữa các doanh nghiệp và trực tiếp với người tiêu dùng. Thông qua điện thoại di động và điện thoại thông minh, những thứ gần như đã phổ biến, công nghệ đã tăng khả năng tiếp cận cũng như hiệu quả của các kênh phân phối trực tiếp và hứa hẹn các dịch vụ tài chính phù hợp cùng chi phí thấp hơn.

Tính đến cuối năm 2019, GSMA ước tính có hơn 5 tỷ thuê bao di động trên toàn thế giới. Dựa trên số lượng thuê bao này, đã có gần một tỷ tài khoản tiền di động được

---

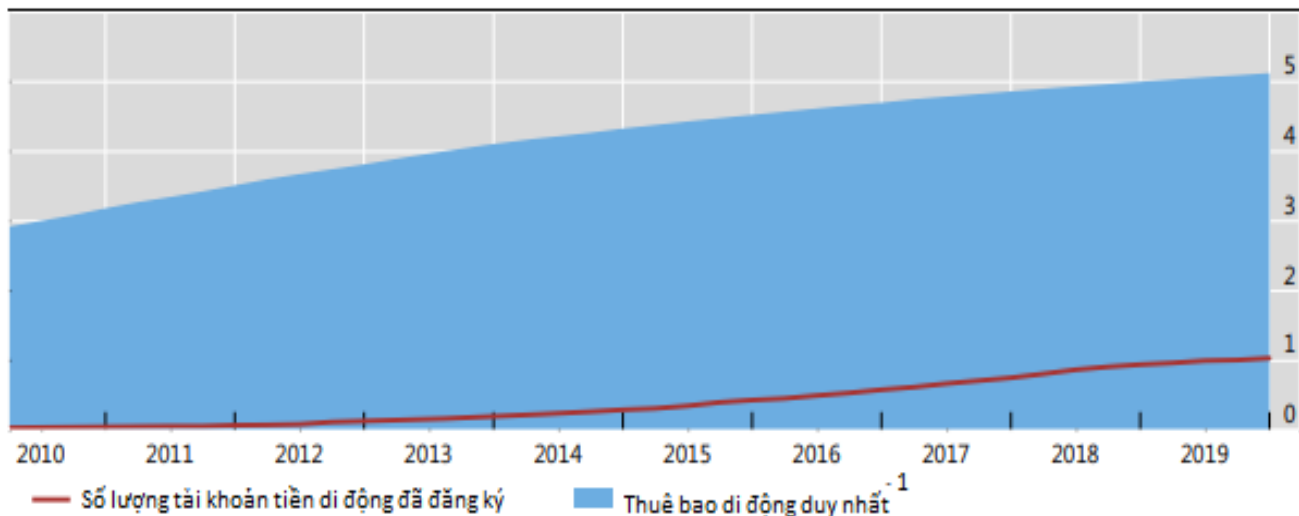
<sup>3</sup> Điều này bao gồm các trung tâm dữ liệu, kết nối bộ phận hậu cần và bộ phận tiếp xúc khách hàng đến hệ thống ngân hàng lõi, tự động hóa chi nhánh và mạng thanh toán có thể tương tác kết nối các công ty tài chính, bao gồm dịch vụ chuyển khoản, trung tâm thanh toán bù trừ tự động (ACH) và mạng lưới ATM.

mở (Biểu đồ 1). Về nguyên tắc, hầu hết các dịch vụ tài chính hiện nay có thể được cung cấp trực tiếp và trực tuyến, làm tăng đáng kể khả năng tiếp cận tài chính. Từ đó, xuất hiện một loại hình dịch vụ và tài sản có thể được cung cấp mà không cần qua trung gian. Đồng thời, tốc độ kết nối tăng nhanh đã tạo ra hiệu ứng mạng lưới lớn và củng cố vị thế của các tổ chức trung gian cung cấp mạng di động và thuê bao, chẳng hạn như các công ty viễn thông, đặc biệt ở một số thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển (EMDE). Hơn nữa, sự phát triển của các ứng dụng và dịch vụ được sử dụng rộng rãi như phương tiện truyền thông xã hội, tìm kiếm và giao tiếp xã hội đã thúc đẩy các tương tác thông dụng ngang hàng hơn. Những điều này cũng ngày càng được áp dụng trong các giao dịch kinh tế. Nhờ đó, vị thế của các công ty cung cấp dịch vụ này cũng được củng cố.

Tăng trưởng số lượng ví di động và di động trên toàn thế giới

Tỷ

Biểu đồ 1



<sup>1</sup> Được GSMA Intelligence định nghĩa là cá nhân có thể sử dụng nhiều 'kết nối di động' (tức là thẻ SIM).

Nguồn: GSMA Intelligence.

- Chi phí tính toán và lưu trữ dữ liệu giảm xuống. Hiệu quả tính toán đã tăng theo cấp số mũ, vì chi phí lưu trữ dữ liệu đã giảm nhanh chóng. Cray-1 là “siêu máy tính” nhanh nhất thế giới từ năm 1976-1982, hoạt động ở tốc độ 80 MHz, nặng 5,5 tấn và có giá 10 triệu USD.<sup>4</sup> Chip A11 với kích thước và chi phí nhỏ, cung cấp năng lượng cho iPhone X chạy ở tốc độ 2,39 GHz – nhanh hơn 30 lần.<sup>5</sup> Dữ liệu vốn yêu cầu một căn phòng chứa đầy băng từ hoặc ổ cứng vào năm 1980 mà ngày nay chỉ cần thẻ kỹ thuật số (SD) bảo mật vi mô. Khi chi phí lưu trữ dữ liệu giảm, từ 0,11 USD mỗi gigabyte năm 2009 xuống 0,02 USD vào năm 2020, khối lượng dữ liệu được tạo ra trên toàn cầu đã

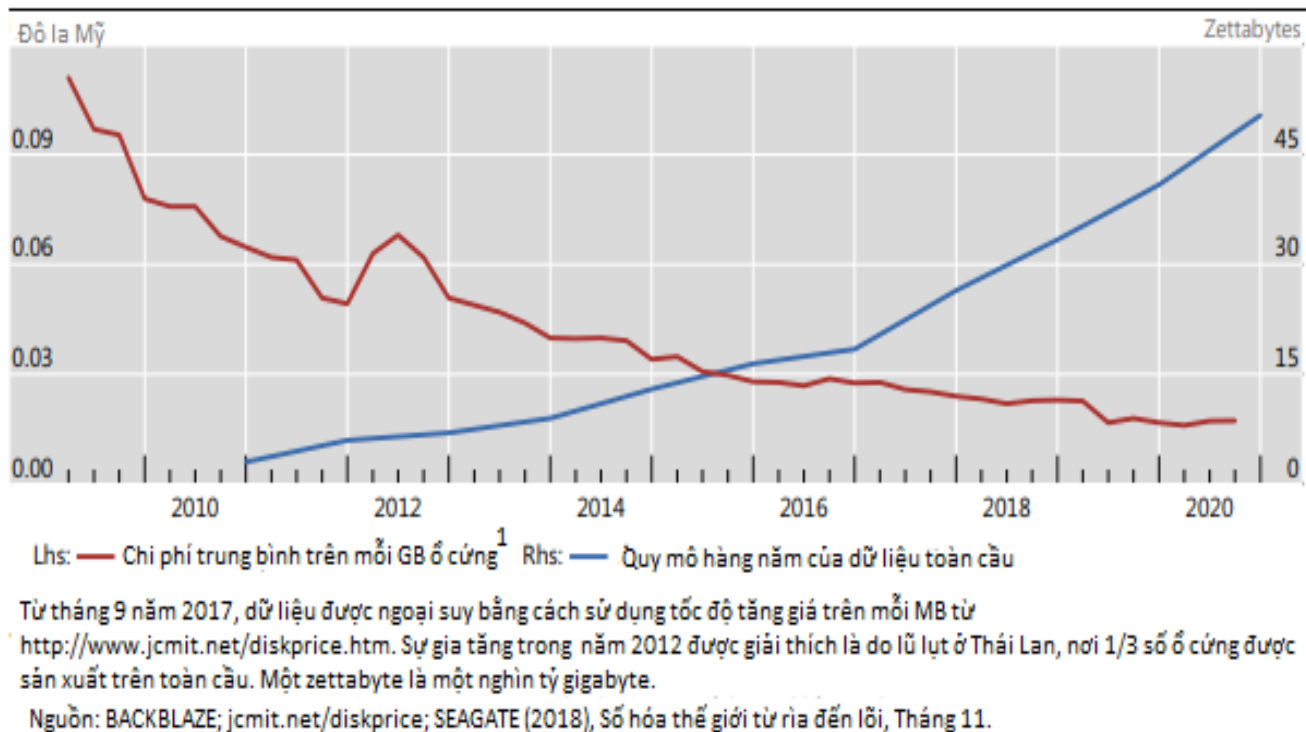
<sup>4</sup> Xem <https://www.computerhistory.org/revolution/supercomputers/10/7>.

<sup>5</sup> Xem <https://igotoffer.com/blog/iphone-x-sum-technologies>.

tăng theo cấp số mũ – lên khoảng 48 zettabyte (48 nghìn tỷ gigabyte) vào năm 2020 (Biểu đồ 2). Khả năng xử lý dữ liệu một cách nhanh chóng cũng tăng lên nhờ những tiến bộ về trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy (FSB, 2017). Các công nghệ kỹ thuật số như điện thoại thông minh và các hoạt động như truyền thông xã hội và thương mại điện tử tạo ra vô số dữ liệu mới. Phần lớn dữ liệu mới liên quan đến cá nhân (“dữ liệu cá nhân”) hoặc doanh nghiệp và có thể được xử lý tự động để xác định các đặc điểm của khách hàng hiện tại hoặc tiềm năng và cung cấp các dịch vụ tài chính phù hợp nhất với họ.

Chi phí lưu trữ đã giảm khi khối lượng dữ liệu toàn cầu tăng mạnh

Biểu đồ 2



## Dữ liệu, mạng lưới và mô hình kinh doanh mới

Những tiến bộ này đã cho phép thu thập và tạo ra lượng dữ liệu khổng lồ, các công cụ mới để phân tích những dữ liệu đó và các mô hình kinh doanh mới tận dụng những hiểu biết chuyên sâu từ quá trình phân tích. Khả năng kết nối cho phép hình thành và thu thập nhiều loại dữ liệu, đồng thời việc số hóa nhiều hoạt động hơn tạo ra khối lượng dữ liệu lớn hơn với tốc độ thậm chí còn lớn hơn. Khả năng lưu trữ và xử lý cho phép dữ liệu được hệ thống, xác thực và phân tích, kể cả thông qua các kỹ thuật tính toán chuyên sâu như AI, bao gồm các ứng dụng học máy trên kho dữ liệu khổng lồ. Dữ liệu “bản địa” kỹ thuật số với khối lượng lớn, đa dạng, tốc độ cao và có tính xác thực được gọi là “Dữ liệu lớn”.<sup>6</sup> Những đặc điểm này có nghĩa là dữ liệu lớn không chỉ xuất hiện do sự gia tăng số

<sup>6</sup> Các phiên bản trước đó sử dụng ba chữ V đầu tiên, với tính xác thực (veracity) được thêm vào như một đặc điểm cần thiết để làm cho dữ liệu thực sự hữu ích (Lukoianova và Rubin, 2014). Một số thêm giá trị V thứ năm (BBVA 2020).

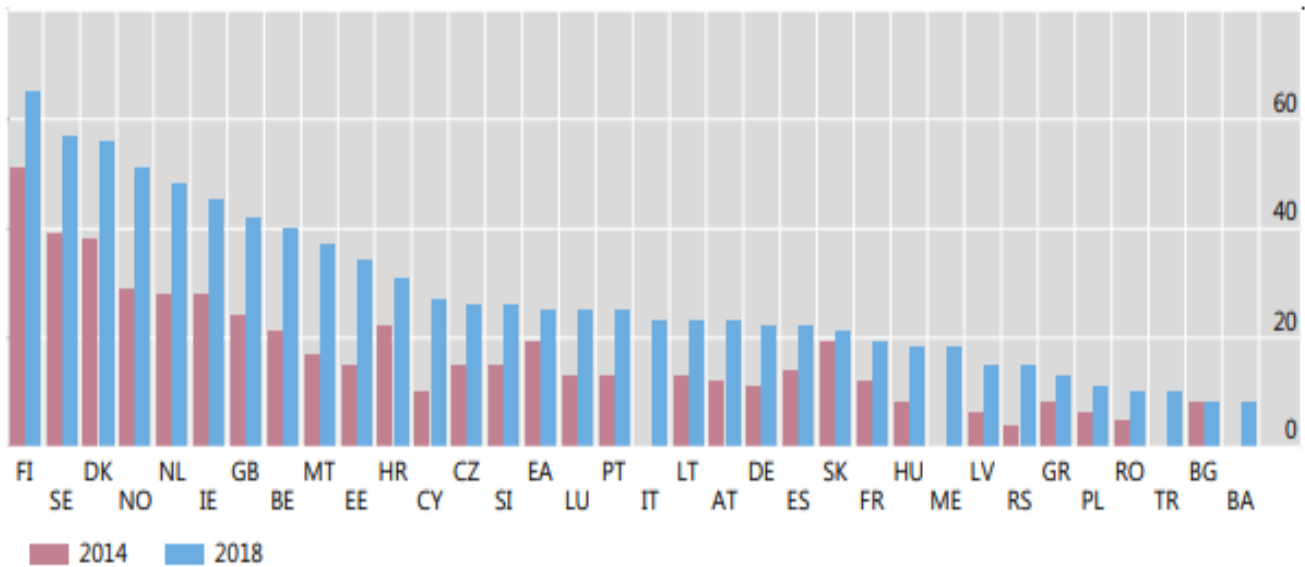
hóa các hoạt động (bao gồm cả những hoạt động nhờ kết nối), mà dữ liệu lớn cũng yêu cầu chi phí lưu trữ thấp và năng lực tính toán cao để trở nên hữu ích. Dữ liệu lớn xuất hiện từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm dữ liệu về vị trí và hành vi sử dụng điện thoại di động, thông tin liên hệ từ mạng xã hội, thông tin giao hàng từ các công ty vận chuyển và dữ liệu bán hàng từ các cửa hàng bán lẻ và mạng lưới thanh toán. Dữ liệu lớn đang được sử dụng trong nhiều dịch vụ tài chính truyền thống và các loại mô hình kinh doanh mới để cải thiện phân tích tín dụng, hiệu quả xử lý, quản lý rủi ro, thiết kế sản phẩm, dịch vụ khách hàng và các lĩnh vực khác. Các ví dụ bao gồm Trusting Social, sử dụng hồ sơ cuộc gọi để phát triển điểm tín dụng và Tenda Pago, sử dụng thông tin đặt hàng tiêu dùng của tổ chức bán lẻ làm cơ sở cho các khoản vay vốn lưu động. Dữ liệu có thể là nguồn lực quan trọng và là động lực phát triển kinh tế (Ngân hàng Thế giới, 2021).

Những tiến bộ này cũng cho phép một số mô hình kinh doanh mới trong cung cấp công nghệ, một trong số đó là điện toán đám mây. Điều này kết hợp khả năng của một doanh nghiệp hoặc cá nhân trong việc kết nối các trung tâm dữ liệu được quản lý và vận hành từ bên ngoài với chi phí tính toán và lưu trữ thấp. Kết quả là khả năng có được cơ sở hạ tầng theo đúng nhu cầu và giảm chi phí cố định khi gia nhập vào lĩnh vực cung cấp dịch vụ tài chính. Các cuộc khảo sát cho thấy việc áp dụng điện toán đám mây đã diễn ra nhanh chóng. Ví dụ: ở Châu Âu, Eurostat ước tính rằng hơn một nửa số doanh nghiệp ở các quốc gia Bắc Âu đã sử dụng lưu trữ đám mây vào năm 2018, trong khi các công ty ở Hà Lan, Ireland, Anh và Malta cũng được áp dụng nhanh chóng (Biểu đồ 3). Bằng chứng gần đây cho thấy việc áp dụng điện toán đám mây thậm chí còn tăng nhanh hơn trong đại dịch COVID-19 (McKinsey 2020). Ví dụ: một cuộc khảo sát gần đây với các nhà lãnh đạo công nghệ thông tin từ 250 công ty cỡ vừa trên khắp thế giới cho thấy 82% số người được hỏi đã tăng cường sử dụng điện toán đám mây do đại dịch COVID-19 và 91% đang lên kế hoạch sử dụng điện toán đám mây một cách chiến lược hơn trong thời gian tới (Tuyết 2020). Sự sáng tạo trong dịch vụ điện toán đám mây đang được tiến hành nhanh chóng, khi ngày càng gia tăng khối lượng vốn đầu tư mạo hiểm và vốn các quỹ tư nhân đầu vào các ứng dụng mới của công nghệ đám mây và hoạt động phát triển (DevOps) trong ba năm qua (Biểu đồ 4).

Doanh nghiệp sử dụng lưu trữ đám mây ở châu Âu tăng mạnh trong giai đoạn 2014–18

% doanh nghiệp

Biểu đồ 3



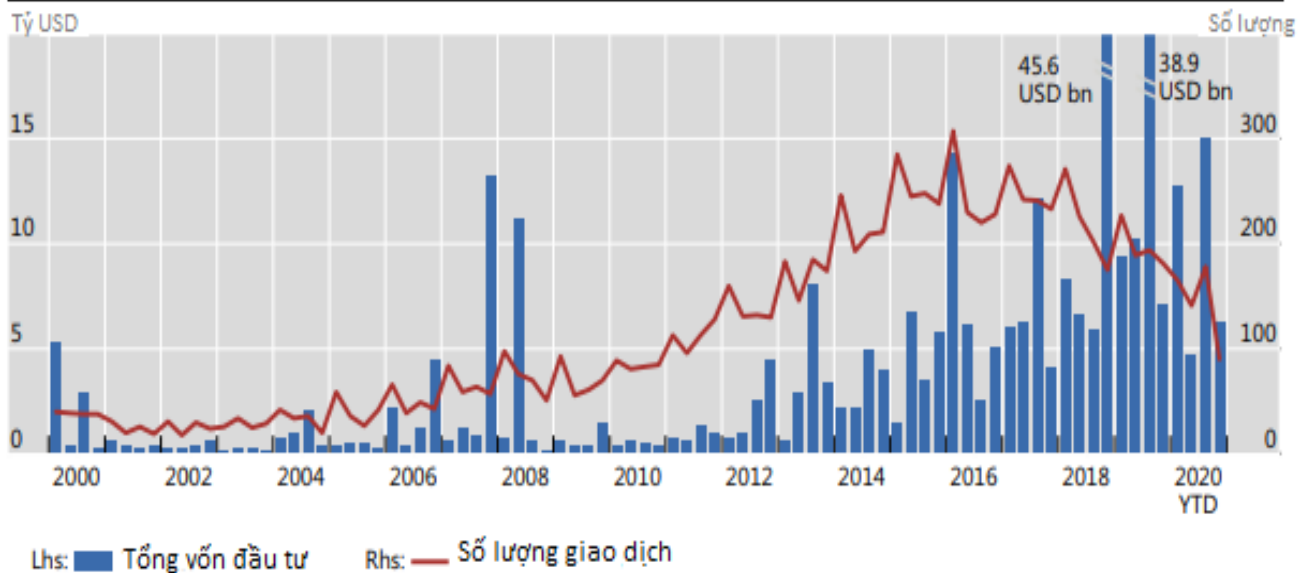
Nguồn: Eurostat.

Một kết quả khác của những tiến bộ công nghệ được mô tả ở trên là sự xuất hiện rộng rãi của các mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng. Các công ty công nghệ tài chính, công nghệ lớn và thậm chí một số tổ chức tài chính nhanh chóng chuyển sang vai trò “kết nối” giữa khách hàng và tổ chức cung cấp khác nhau trên nền tảng của họ (Crosson và cộng sự 2021). Các mô hình kinh doanh này tận dụng khả năng kết nối của các cá nhân và doanh nghiệp cũng như khả năng cộng tác nhanh chóng và dễ dàng, tìm kiếm các đối tác cũng như đóng gói và cung cấp nhiều loại hàng hóa và dịch vụ thực và số. Nền tảng là thị trường hai mặt hoặc nhiều mặt và được hưởng lợi từ hiệu ứng mạng lưới, tạo ra nhiều giá trị hơn cho mỗi người tham gia khi số lượng người tham gia tăng lên.



Đầu tư vào các công ty CloudTech và DevOps<sup>1</sup>

Biểu đồ 4



<sup>1</sup>Theo phân loại của PitchBook. CloudTech và hoạt động phát triển (DevOps) bao gồm các công ty giúp các tổ chức phát triển, vận hành và giám sát các ứng dụng phần mềm trên quy mô lớn. Dữ liệu được truy cập vào ngày 18 tháng 11 năm 2020.

Nguồn: PitchBook Data Inc.

Tổ chức cung cấp nền tảng cũng được hưởng lợi từ các hiệu ứng mạng lưới trong thu hút nhiều người dùng hơn, gia tăng khối lượng giao dịch để kiếm doanh thu và dữ liệu từ đó cho tổ chức cung cấp nhắm mục tiêu đến khách hàng với nhiều hàng hóa hoặc dịch vụ hơn. Khả năng kết nối số lượng lớn người dùng với nhiều dịch vụ đã dẫn đến sự xuất hiện của 'siêu ứng dụng' như WeChat, AliPay và (có thể) Facebook. Những công ty này và các công ty công nghệ khác vận hành nền tảng có lượng khách hàng lớn thường được gọi là công ty công nghệ lớn (Frost và cộng sự, 2019). Trong phân tích này, hầu hết mọi công ty lớn có hoặc có thể tận dụng dữ liệu lớn để phục vụ lượng khách hàng lớn đều có thể trở thành một công ty công nghệ lớn. Các ví dụ bao gồm các tổ chức cung cấp dịch vụ viễn thông như Vodafone M-Pesa và các nhà bán lẻ như Walmart, vốn đã là một công ty thương mại điện tử lớn và vào đầu năm 2021 đã công bố ý định tham gia hoạt động Fintech. Nó cũng có thể bao gồm những chủ thể từ doanh nghiệp tới doanh nghiệp (B2B) như tổ chức sản xuất và tổ chức phân phối hàng tiêu dùng. Trong số các tính năng của mình, tổ chức vận hành nền tảng có thể tận dụng các kênh phân phối số và giao diện lập trình ứng dụng (API) để “tích hợp” liền mạch các dịch vụ tài chính như thanh toán hoặc cho vay vào các dịch vụ phi tài chính như thương mại điện tử hoặc truyền thông xã hội.

Hiệu ứng mạng lưới trong các mô hình kinh doanh này có thể dẫn đến lo ngại về mức độ tập trung thị trường và khả năng cạnh tranh. Hiệu ứng bổ sung chủ thể ở một phía của thị trường nền tảng (ví dụ: tổ chức cung ứng dịch vụ gọi xe), tạo ra nhiều giá trị hơn cho chủ thể ở phía bên kia (khách hàng gọi xe) và do đó trở nên hấp dẫn hơn đối với chủ

thể ở phía đầu (tài xế), dẫn đến vòng xoáy tăng trưởng tích cực và kết quả “người thắng được tất cả” hoặc “người thắng được nhiều nhất”, trong đó tất cả những chủ thể tham gia thị trường đều muốn tham gia vào cùng một nền tảng. Có nguy cơ một nền tảng sở hữu vị trí thống lĩnh thị trường sẽ thu lợi từ dữ liệu và mạng lưới khổng lồ của mình (Croxon và cộng sự, 2021). Tuy nhiên, bản chất đa diện của thị trường gây khó khăn cho việc xác định các giao dịch có liên quan tới nhau trên thị trường, chẳng hạn như sản phẩm bán kèm, khi phân tích mức độ cạnh tranh. Hơn nữa, đặc trưng của thị trường đa diện là cấu trúc định giá phức tạp, bao gồm cả việc định giá bất đối xứng giúp phân chia thặng dư tiêu dùng giữa những chủ thể tham gia một cách tốt hơn. Các hoạt động định giá có thể được coi là chống cạnh tranh trong thị trường một chiều, lại có thể ủng hộ cạnh tranh trong thị trường đa chiều thông qua thu hút nhiều người tham gia hơn và tăng hiệu ứng mạng lưới, nâng cao phúc lợi (White và cộng sự, 2018). Hàm ý của những khía cạnh này đối với các dịch vụ tài chính được cung cấp thông qua nền tảng Fintech hoặc công nghệ lớn sẽ được khám phá sâu ở phần dưới.

### **Tác động đến chi phí giao dịch, bất cân xứng thông tin và khoảng cách thị trường**

Thông qua những tiến bộ trong kết nối và tính toán, sáng tạo kỹ thuật số giúp giảm bớt chi phí giao dịch và tạo điều kiện cho sự ra đời của nhiều mô hình kinh doanh dịch vụ tài chính mới. Việc áp dụng diễn ra giữa cả các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính truyền thống và mới. Công nghệ kỹ thuật số có thể giúp giảm chi phí thu thập, lưu trữ, xử lý và trao đổi thông tin – bao gồm chi phí tìm kiếm, chi phí sao chép, chi phí theo dõi và chi phí xác minh (Goldfarb và Tucker, 2019). Trong lĩnh vực tài chính, điều này có thể giúp khách hàng đi vay nhanh chóng tìm được lời đề nghị cho vay phù hợp hoặc giúp khách hàng gửi tiền tiết kiệm tìm được sản phẩm đầu tư phù hợp với nhu cầu cụ thể của mình. Công nghệ cũng có thể giúp các bên tự động hóa việc xác minh các sự kiện, cho phép tạo ra nhiều loại sản phẩm tùy thuộc sự kiện hơn. Ví dụ: khách hàng bảo hiểm có thể sử dụng camera điện thoại hoặc thiết bị từ xa khác để ghi lại thiệt hại dẫn đến yêu cầu bảo hiểm hoặc máy bay không người lái có thể xác minh rằng một cánh đồng đã được trồng để cho phép giải ngân khoản vay nông nghiệp. Công nghệ chuỗi khối nâng những điều này lên một tầm cao hơn thông qua cung cấp một tập hợp các dữ liệu cơ bản giúp các cá nhân và doanh nghiệp tương tác trên cơ sở ngang hàng dễ dàng hơn ngay cả khi họ không biết nhau trước đó (bối cảnh không tin cậy). Ở mức giới hạn cao nhất, những tiến bộ này có thể loại bỏ nhu cầu trung gian, bằng cách cho phép các cá nhân hoặc doanh nghiệp - chẳng hạn như chủ thể cho vay và chủ thể đi vay trong thị trường tín dụng P2P và tư nhân - tương tác trực tiếp mà không cần ngân hàng huy động vốn, đánh giá tín dụng và giám sát liên tục.

Các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính hiện thời, những công ty Fintech mới tham gia và các công ty công nghệ lớn đang tận dụng công nghệ để giảm thiểu các ma sát kinh

tế. Họ có thể thu hẹp khoảng cách thông tin (thông tin bất cân xứng, sự không chắc chắn) và cắt giảm chi phí bằng cách:

- Giảm thông tin bất cân xứng. Các lý thuyết truyền thống về trung gian mô tả cách thức các ngân hàng giải quyết bất cân xứng thông tin giữa chủ thể đi vay và chủ thể cho vay (Aghion và Bolton, 1997; Holmström và Tirole, 1997). Họ cũng thảo luận về việc những khoảng trống còn lại làm tăng chi phí tín dụng hoặc hạn chế việc cung cấp tín dụng như thế nào, cả về lãi suất và chi phí của các hoạt động phụ trợ như bổ sung tài sản thế chấp. Thông tin tốt hơn, chẳng hạn như tận dụng phân tích và dữ liệu người tiêu dùng, có thể cải thiện việc đánh giá rủi ro và giảm yêu cầu về tài sản thế chấp như một chỉ số về mức độ tin cậy trong cho vay (Gambacorta và cộng sự 2020; xem Hộp A). Việc sử dụng kho dữ liệu khổng lồ cho phép cung cấp dịch vụ tài chính cho các cá nhân và doanh nghiệp nhỏ không có hoặc có ít thông tin về lịch sử tín dụng, từ đó thúc đẩy tài chính toàn diện. Thông tin nhiều hơn và minh bạch hơn có xu hướng tăng cường độ tin cậy, cho phép chủ thể cung ứng vốn và chủ thể sử dụng vốn làm việc với nhiều đối tác hơn. Với sự minh bạch đủ rõ ràng giữa chủ thể cần vốn và chủ thể cung cấp vốn, trung gian tài chính có thể không còn cần thiết. Ví dụ: các mô hình tín dụng Fintech như cho vay P2P hoặc cho vay trên thị trường tìm cách liên kết trực tiếp các chủ thể đầu tư và chủ thể đi vay (Claessens và cộng sự, 2018).

- Thúc đẩy tùy chỉnh các dịch vụ tài chính để hoàn thiện thị trường hơn. Dữ liệu và tự động hóa tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện và giám sát các hợp đồng phức tạp và tạo ra các thị trường hoàn thiện hơn. Điều này đưa các dịch vụ tài chính đến gần hơn trạng thái cân bằng chung được cách điệu hóa theo mô hình truyền thống của Arrow-Debreu (1954). Các hệ thống ngân hàng lõi truyền thống và các kênh tiếp thị được xây dựng xung quanh các sản phẩm được tiêu chuẩn hóa và không tạo điều kiện cho hoạt động tiếp thị và phát triển sản phẩm lấy khách hàng làm trung tâm. Các dịch vụ phù hợp hơn, chẳng hạn như các khoản vay, tư vấn đầu tư hoặc lập kế hoạch nghỉ hưu có tính đến bối cảnh cá nhân của khách hàng đòi hỏi các chuyên gia được đào tạo chuyên sâu và tốn kém. Ngược lại, việc tự động hóa các quy trình dựa trên Fintech giúp giảm chi phí thiết lập sản phẩm tùy chỉnh và có thể theo dõi nhiều giải pháp dự phòng khác nhau trên nhiều kết quả. Các hệ thống tiếp thị kỹ thuật số cho phép các sản phẩm chuyên biệt tìm được đủ lượng khách hàng. Dữ liệu sẵn có và sức mạnh tính toán ngày càng gia tăng làm giảm rủi ro giá cả, điều chỉnh sản phẩm hoặc dịch vụ theo nhu cầu của khách hàng và có khả năng xây dựng một loạt các sản phẩm tùy chỉnh theo bối cảnh, được cung ứng và giám sát thông qua hợp đồng thông minh hoặc các công nghệ mới nổi khác.

- Giảm chi phí cố định và chi phí cận biên trong cung cấp dịch vụ tài chính. Công nghệ đã giảm chi phí và nhu cầu về phần lớn cơ sở hạ tầng vật chất truyền thống vốn tạo ra chi phí cố định cho tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính trực tiếp. Một ví dụ ban đầu đặc

biệt quan trọng ở EMDE là tiền di động. Tiền di động đã làm giảm nhu cầu về các chi nhánh ngân hàng truyền thống và cơ sở hạ tầng chấp nhận thanh toán, ví dụ như thiết bị đầu cuối điểm bán hàng (POS) và đã trở thành một giải pháp thay thế phổ biến cho tài khoản ngân hàng tại một số quốc gia. Cơ sở hạ tầng dựa trên điện toán đám mây, bao gồm Ngân hàng theo hướng dịch vụ (BaaS<sup>7</sup>), cung cấp sức mạnh tính toán, lưu trữ dữ liệu và thậm chí cả các dịch vụ tuân thủ. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính phân khúc thị trường hẹp có thể kết nối với các dịch vụ này mà không cần xây dựng trung tâm dữ liệu và cơ sở hạ tầng hỗ trợ khác (hoặc, trong trường hợp BaaS, giấy phép).<sup>8</sup> Các trung gian tài chính có thể giảm chi phí biên thông qua công nghệ tự động hóa và xử lý “thông suốt”, làm mở rộng sử dụng dữ liệu và các quy trình dựa trên AI. Sáng tạo kỹ thuật số cũng có thể giúp vượt qua các rào cản về không gian (địa lý) và thậm chí thu hẹp sự khác biệt giữa các khu vực pháp lý (tương tự như các quy trình được Bodie và Merton (2005) thảo luận). Việc ngày càng sử dụng các công cụ và nền tảng số cho nhiều hoạt động kinh tế có thể đưa các sản phẩm tài chính phù hợp vào các hoạt động phi tài chính, giảm đáng kể chi phí và rủi ro thu hút khách hàng. Tài chính tùy theo bối cảnh sẽ được thảo luận thêm dưới đây.

### ***Hộp A: Dữ liệu và tài sản thế chấp***

*Các ngân hàng thường yêu cầu khách hàng vay vốn cầm cố tài sản hữu hình, chẳng hạn như bất động sản, để hạn chế thông tin bất cân xứng. Tài sản thế chấp thực hiện một số chức năng: nó có thể cho thấy mức độ tin cậy về khả năng trả nợ, trong phạm vi nhất định việc tích lũy để sở hữu một tài sản hữu hình báo hiệu khả năng trả nợ; nó cung cấp một phương tiện thay thế để thu hồi khoản vay trong trường hợp người đi vay không có khả năng trả nợ; và nó điều chỉnh lợi ích vì nguy cơ mất tài sản thế chấp sẽ gây ra chi phí cho người đi vay trong trường hợp họ không muốn trả nợ. Ngược lại, các công ty công nghệ lớn có thể sử dụng dữ liệu lớn để đánh giá tốt hơn mức độ tin cậy của các công ty. Họ có thể liên kết khả năng trả nợ với các nguồn giá trị khác, chẳng hạn như quyền tiếp cận hàng tồn kho mới hoặc nền tảng thương mại điện tử để bán hàng. Những khả năng này có thể giúp giảm tầm quan trọng của tài sản thế chấp trong việc giải quyết các vấn đề thông tin bất cân xứng và duy trì sự hài hòa về lợi ích.*

*Gambacorta và cộng sự (2020) so sánh mối tương quan giữa tín dụng từ một công ty công nghệ lớn (Ant Group) và hoạt động cho vay ngân hàng truyền thống với hoạt động kinh tế địa phương, giá nhà và các đặc điểm cụ thể của công ty. Sử dụng một mẫu ngẫu nhiên gồm hơn 2 triệu công ty Trung Quốc, nghiên cứu nhận thấy rằng tín*

<sup>7</sup> BaaS là một dịch vụ theo yêu cầu cho phép người dùng truy cập các dịch vụ tài chính (ví dụ thanh toán và dữ liệu ngân hàng) qua internet bằng giao diện lập trình ứng dụng (API) và hệ thống dựa trên đám mây.

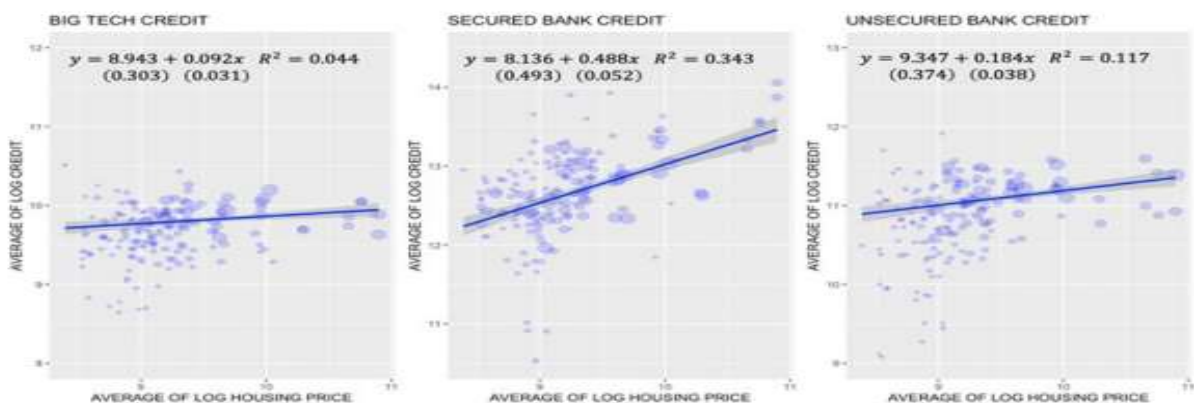
<sup>8</sup> Mặc dù chi phí cố định của chi nhánh có thể được loại bỏ bằng cách kết nối trực tiếp với khách hàng, nhưng chi phí cố định của công nghệ có cấp độ khác nhau tùy tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính nhưng vẫn là mức chi phí cố định cao từ (các) tổ chức cung cấp công nghệ. Thị trường liên quan cơ sở hạ tầng công nghệ chuyển từ dịch vụ tài chính sang dịch vụ công nghệ thông tin/đám mây. Các vấn đề dẫn đến mức độ tập trung thị trường sẽ được đề cập dưới đây.

dụng công nghệ lớn không tương quan với điều kiện kinh doanh địa phương và giá nhà khi xem xét tới các yếu tố bên cầu.

Biểu đồ A1 biểu thị độ co giãn vô điều kiện giữa các hình thức tín dụng khác nhau và giá nhà. Các dấu chấm trong các hình biểu thị logarit trung bình tín dụng (trục y) và logarit trung bình của giá nhà ở (trục x) ở cấp độ thành phố trong năm. Hình bên trái thể hiện tín dụng công ty công nghệ lớn, hình ở giữa thể hiện tín dụng ngân hàng có tài sản đảm bảo (thế chấp) và hình bên phải thể hiện tín dụng ngân hàng không có tài sản đảm bảo. Các đường xu hướng tuyến tính được thể hiện trong mỗi hình, cùng với dải tin cậy 95%. Độ co giãn (vô điều kiện) của tín dụng từ công ty công nghệ lớn đối với giá nhà là 0,09, trong khi tín dụng ngân hàng không có tài sản bảo đảm cao gấp đôi (0,184). Tín dụng ngân hàng có tài sản bảo đảm cao hơn năm lần (0,488). Do đó, việc sử dụng nhiều hơn tín dụng từ công ty công nghệ lớn có thể có tác động ở phạm vi vĩ mô nền kinh tế, làm suy yếu vai trò của kênh tài sản thế chấp.

Độ co giãn của tín dụng công nghệ lớn đối với giá tài sản

Biểu đồ A1



Dựa trên mẫu ngẫu nhiên 100.000 công ty do cả MYbank (Ant Group) và các ngân hàng truyền thống Trung Quốc cung cấp dịch vụ. Các dấu chấm trong hình biểu thị logarit trung bình mức sử dụng tín dụng (trục y) và logarit trung bình của giá nhà ở (trục x) ở cấp thành phố trong năm. Tốc độ tăng trưởng được ước tính gần đúng bằng cách sử dụng sai phân bậc một của giá trị log. Bảng bên trái thể hiện tín dụng công nghệ lớn, bảng ở giữa thể hiện tín dụng ngân hàng có tài sản đảm bảo và bảng bên phải thể hiện tín dụng ngân hàng không có bảo đảm. Các đường xu hướng tuyến tính được báo cáo trong mỗi biểu đồ, cùng với dải tin cậy 95%. Lỗi tiêu chuẩn trong ngoặc.

Nguồn: Gambacorta và cộng sự (2020).

- Giảm chi phí tìm kiếm và chuyển đổi cho khách hàng. Những tiến bộ trong kết nối và tìm kiếm trực tuyến có nghĩa là việc tìm kiếm và sử dụng tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính ở tiểu bang hoặc tỉnh tiếp theo – hoặc trên toàn cầu – có thể dễ dàng như tìm một tổ chức cung cấp ở cùng thành phố. Về phía người tiêu dùng, chi phí biên của việc sử dụng nhiều tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính cũng giảm. Công nghệ ngày càng trở nên thông dụng, từ sự ra đời của các giao thức truyền thông internet phổ biến và ngôn ngữ đánh dấu, cho đến “ngân hàng mở” và các API được tiêu chuẩn hóa tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy cập và trao đổi dữ liệu. Tăng khả năng tiếp cận thông tin về các tổ chức cung cấp ở xa cũng như sản phẩm và giá cả của họ giúp giảm chi phí tìm kiếm cho khách hàng. Do đó, việc giảm chi phí tìm kiếm và chuyển đổi tác động tới cả tổ chức cung cấp

và khách hàng cá nhân. Ví dụ: hiện tại, khách hàng có thể chọn tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển tiền mới thành lập với mức phí thấp hơn và sẵn sàng kết nối với tài khoản ngân hàng của khách hàng hoặc một công ty truyền thông xã hội lâu đời, đáng tin cậy và sẵn sàng kết nối với tài khoản của bạn bè và gia đình của khách hàng, mà khách hàng có nhu cầu chuyển tiền đến. Cuối cùng, chi phí tìm kiếm giảm cho phép những chủ thể cần vốn để đầu tư tiếp cận trực tiếp với chủ thể thừa vốn thông qua các hợp đồng cho vay thông minh, từ đó thay thế sự giám sát của các trung gian. Chi phí tìm kiếm, gia nhập và chuyển đổi thấp hơn có thể khiến thị trường trở nên cạnh tranh hơn.

Mặc dù chi phí giảm, hiệu quả tăng lên và tất cả dữ liệu mới cũng như sức mạnh tính toán sẵn có, Fintech vẫn phải đối mặt với những rủi ro tương tự như các tổ chức tài chính truyền thống trong lĩnh vực tài chính. Các loại rủi ro tín dụng, thanh khoản, thị trường và hoạt động có thể được giảm bớt hoặc chuyển giao nhưng không thể loại bỏ hoàn toàn. Thất bại thị trường có thể dẫn đến bất ổn tài chính, bong bóng đầu cơ, hiệu ứng domino và tiềm ẩn rủi ro hệ thống (Frost, 2020). Ở hầu hết các thị trường, tài chính kỹ thuật số chưa đạt đến mức gây ra rủi ro hệ thống, nhưng khi Fintech và tài chính công nghệ lớn phát triển, cũng như các ngân hàng truyền thống sử dụng công nghệ tương tự ở mức độ lớn hơn, điều này sẽ thay đổi. Cho vay P2P ở Trung Quốc đạt khối lượng đáng kể trước khi quy định pháp lý thắt chặt vào năm 2017. Tình trạng này lên đến đỉnh điểm vào tháng 11 năm 2019 yêu cầu tất cả các nền tảng phải đóng cửa hoặc chuyển đổi sang các tổ chức cung cấp khoản vay nhỏ được quản lý trong vòng hai năm. Cho vay P2P ở Trung Quốc và sự cố Wirecard gần đây hơn ở Đức đưa ra những bài học về sự cần thiết phải có quy định và giám sát phù hợp đối với Fintech. Các công ty công nghệ lớn có thể đã đạt đến tầm quan trọng mang tính hệ thống (quá lớn để đổ vỡ) ở một số nền kinh tế, đặc biệt là ở Trung Quốc. Các cơ quan chức năng đang tích cực xây dựng các biện pháp quản lý phù hợp đối với những rủi ro này (xem Phần 4).

Việc chuyển đổi số đối với tài chính cũng gây ra – hoặc làm gia tăng – rủi ro mạng. An ninh mạng là một vấn đề đối với tất cả các lĩnh vực và đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính truyền thống cũng như các công ty công nghệ tài chính và công ty công nghệ lớn. Tuy nhiên, phạm vi tấn công đang mở rộng khi kết nối tăng lên và việc phân chia các dịch vụ tạo ra nhiều liên kết hơn đến từng chuỗi sản phẩm và giao diện người dùng. Những yếu tố này cũng có thể làm tăng rủi ro hoạt động vì có nhiều đơn vị riêng biệt hơn có thể tham gia vào việc cung cấp một sản phẩm hoặc dịch vụ duy nhất, tạo ra mạng lưới phức tạp về sự phụ thuộc trong hoạt động. Những rủi ro này có thể còn gia tăng hơn nữa trong đại dịch COVID-19 (Aldasoro và cộng sự, 2021). Đồng thời, một số dịch vụ cốt lõi nhất định đã trở nên tập trung hơn (ví dụ: cung cấp dịch vụ điện toán đám mây), tạo ra khả năng hình thành các điểm lỗi đơn lẻ có thể dẫn đến gián đoạn cả hệ thống.

Cuối cùng, quyền riêng tư và bảo vệ người tiêu dùng có đối mặt với rủi ro mới. Sự gia tăng nhanh chóng của các tổ chức cung cấp và dịch vụ theo nhu cầu, tiếp cận khách hàng mới và kết hợp các sản phẩm tài chính vào các hoạt động khác, làm tăng nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư, các hành vi lạm dụng hoặc sai sót mà khách hàng không biết. Bảo vệ người tiêu dùng và quản lý rủi ro phát sinh từ Fintech và chuyển đổi số sẽ được đề cập trong các bài nghiên cứu khác trong loạt bài Tương lai Tài chính sắp tới.

## 2.2. Hậu quả đối với các công ty dịch vụ tài chính

Chuỗi giá trị dịch vụ tài chính bao gồm bốn thành phần chính: giao diện khách hàng, chức năng hậu cần, cơ sở hạ tầng và bảng cân đối kế toán. Các hoạt động 'sản xuất' dịch vụ tài chính liên quan đến ba hoạt động đầu tiên trong số này. Lý thuyết về doanh nghiệp trong kinh tế học nhấn mạnh chi phí giao dịch là yếu tố then chốt quyết định liệu một quá trình hoặc sự tương tác nhất định sẽ được thực hiện thông qua thị trường hay nội tại doanh nghiệp (Coase, 1937; Williamson, 1971). Trước sự ra đời của Fintech, sự kết hợp giữa chi phí giao dịch và hiệu quả kinh tế theo quy mô và phạm vi đã tạo ra các trung gian tài chính lớn có xu hướng tích hợp theo chiều dọc và chiều ngang, cung cấp tất cả bốn thành phần (và vô số thành phần phụ) trong nội bộ.

i. Giao diện khách hàng. Thành phần này bao gồm các mạng lưới vật lý như chi nhánh, ATM và điểm bán hàng để phân phối các sản phẩm và dịch vụ tài chính cốt lõi. Trước đây, khách hàng cần phải có mặt để thực hiện các hoạt động như mở tài khoản, mua sản phẩm, thực hiện giao dịch và nhận tư vấn. Trong nhiều trường hợp, những hoạt động này chỉ dựa trên quy trình xử lý công kênh và bằng giấy tờ. Mặc dù sự ra đời của Internet đã tạo ra sự phát triển của ngân hàng trực tuyến và di động, nhưng chúng lại được sở hữu và điều hành bởi một tổ chức tài chính cụ thể. Do đó, các tổ chức tài chính phần lớn vẫn đóng vai trò là *người gác cổng* cho người tiêu dùng với tài khoản ngân hàng cơ bản là điều kiện tiên quyết để tham gia vào nền kinh tế và tiếp cận thêm các dịch vụ tài chính. Kết quả là, các tổ chức tài chính cũng có thể khai thác một nguồn vốn được quản lý chặt chẽ nhưng rẻ: tiền gửi của khách hàng cá nhân.

ii. Bộ phận hậu cần và trung gian. Thành phần này bao gồm tất cả các phòng ban, quy trình và hệ thống nội bộ để vận hành các sản phẩm và bảng cân đối kế toán của ngân hàng. Các chức năng này bao gồm quản lý rủi ro, tuân thủ quy định, quyết định tín dụng, phát hiện gian lận, trung tâm chăm sóc khách hàng, đối chiếu thương mại, vận hành công nghệ và lưu trữ hồ sơ. Trước sự ra đời của Fintech, các quy trình này mang tính thủ công và dựa trên giấy tờ, đồng thời cần có sự phối hợp giữa các bộ phận với nhau. Sự phức tạp trong tổ chức và các hệ thống CNTT mang tính di sản đã làm tăng thêm chi phí giao dịch, khiến dữ liệu khách hàng không được khai thác sử dụng, cản trở khả năng đổi mới sáng tạo và làm suy giảm trải nghiệm của khách hàng.

iii. Cơ sở hạ tầng. Thành phần này kết nối những người tham gia khu vực tài chính riêng lẻ (bao gồm cả ngân hàng trung ương) để cùng nhau tạo nên hệ thống tài chính. Điều này bao gồm các hệ thống thanh toán và quyết toán (bán lẻ và bán buôn) cũng như các cơ sở hạ tầng tài chính khác như trung tâm thông tin tín dụng và các thỏa thuận tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch xuyên biên giới. Nhiều cơ sở hạ tầng trong số này vẫn phải đối mặt với tình trạng kém hiệu quả do hạn chế về thời gian hoạt động và khả năng tương tác. Hơn nữa, cho đến gần đây, các tổ chức phi ngân hàng thường không thể tiếp cận trực tiếp các cơ sở hạ tầng này và do đó phải phụ thuộc vào ngân hàng.

iv. Bảng cân đối kế toán. Chuyển nguồn tiền gửi của khách hàng (hoặc các nguồn vốn khác) vào các khoản vay hiệu quả (và các mục đích sử dụng vốn khác) thông qua bảng cân đối kế toán là một trong những chức năng lâu đời nhất trong tài chính. Bảng cân đối kế toán hiện đại phục vụ các chức năng phức tạp hơn và được tối ưu hóa để thu hút sự kết hợp giữa các quỹ bán lẻ và bán buôn, để kết hợp giữa tài sản và nợ phải trả trên nhiều khía cạnh (kỳ hạn, tiền tệ, v.v.) và để duy trì đủ vốn và mức thanh khoản. Bảng cân đối kế toán của các tổ chức tài chính có giấy phép hoạt động phải tuân theo nhiều yêu cầu và ràng buộc khác nhau. Một số loại tổ chức tài chính - ví dụ: tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán, nhà quản lý quỹ tương hỗ và gần đây là P2P hoặc tổ chức cho vay trên thị trường - không tạo ra nợ và tài sản của khách hàng trên bảng cân đối kế toán của riêng họ. Tuy nhiên, mô hình tài chính dựa trên bảng cân đối kế toán vẫn chiếm ưu thế ở hầu hết các EMDE. Ngay cả ở các nền kinh tế tiên tiến, tài sản cuối cùng được tài trợ thông qua thị trường vốn thường có nguồn gốc từ bảng cân đối kế toán trước khi được chứng khoán hóa hoặc bán cho 'ngân hàng ngầm'.

Khi công nghệ làm giảm chi phí giao dịch, ranh giới của công ty đã thay đổi và chuỗi cung ứng dịch vụ tài chính có thể được phân tách nhiều hơn (phân rã theo chiều dọc). Điều này đã diễn ra hàng chục năm nay; một ví dụ là việc sử dụng mạng lưới ATM và thẻ của bên thứ ba để xử lý các giao dịch rút tiền hoặc thanh toán ngân hàng. Đầu tiên, máy ATM chuyển giao dịch ra ngoài chi nhánh ngân hàng. Sau đó, công nghệ kết nối và truyền thông tin cho phép các công ty khác nhau cung cấp các yếu tố của chuỗi giá trị giao dịch – ngân hàng phát hành, bộ xử lý thương mại vận hành thiết bị đầu cuối POS và nhà điều hành mạng. Kết quả là, ngân hàng làm việc trực tiếp với khách hàng, có thể tập trung vào khách hàng và năng lực cốt lõi của mình. Với những tiến bộ công nghệ, quá trình này đã được tăng tốc. Ngày càng có nhiều sản phẩm và dịch vụ lấy từ nhiều tổ chức cung cấp khác nhau, được kết hợp và cung cấp cho khách hàng như một tổng thể tích hợp. Tổ chức cung cấp hướng tới khách hàng có thể kết hợp các tính năng và chức năng từ tổ chức cung cấp bên ngoài, tổ chức cung cấp dịch vụ gia công hoặc đối tác. Các ví dụ bao gồm việc sử dụng đại lý bán hàng bên thứ ba hoặc tổ chức khởi tạo thị trường trên môi trường internet, dịch vụ chấm điểm tín dụng bên ngoài, quy trình phát hành thẻ thuê ngoài và tích hợp các dịch vụ Fintech từ bên thứ ba.



Những tiến bộ về thông tin và kết nối cũng đã dẫn đến việc tách rời tiêu dùng dịch vụ tài chính (phân rã theo chiều ngang). Giờ đây, khách hàng có thêm thông tin về các tổ chức cung cấp khác nhau và tăng khả năng tương tác giữa các tổ chức cung cấp, vì vậy họ có thể chọn các tổ chức cung cấp khác nhau cho các sản phẩm tài chính khác nhau mà họ sử dụng. Tương tự, các tổ chức cung cấp có nhiều quyền truy cập hơn vào thông tin về khách hàng mới hoặc khách hàng tiềm năng, giúp tiếp thị và cung cấp dịch vụ trực tiếp tới họ tốt hơn. Dữ liệu sẵn có cũng giúp các tổ chức cung cấp bảo lãnh cho khách hàng dễ dàng hơn mà không cần có mối quan hệ trước đó nên làm giảm lợi thế cạnh tranh vốn có của tổ chức duy nhất cung cấp các sản phẩm bổ sung. Các dịch vụ từng do một tổ chức tài chính cung cấp, giờ có thể được cung cấp bởi nhiều công ty chuyên biệt khác. Các ví dụ trong cả ngân hàng cá nhân và doanh nghiệp đều nhấn mạnh việc tách nhóm này (Biểu đồ 5). Tuy nhiên, ngay cả khi nhu cầu của người tiêu dùng về một tổ chức cung cấp tích hợp theo chiều ngang đã giảm đi, các tổ chức cung cấp hiện có thể tích hợp nhiều sản phẩm hơn từ các tổ chức cung cấp khác nhau. Kết quả của sự phân rã theo chiều ngang phụ thuộc vào sở thích cá nhân, quan điểm về sự tiện lợi và chi phí để tìm kiếm và lắp ghép các bộ sản phẩm. Việc thay đổi hình thức truy cập, ví dụ từ chi nhánh sang internet, đại lý hoặc ứng dụng di động đều ảnh hưởng đến những điều này.

Các tổ chức cung cấp chuyên biệt thách thức dịch vụ của các ngân hàng lớn

Biểu đồ 5

#### Phân tách ngân hàng cá nhân



#### Phân tách ngân hàng doanh nghiệp



Nguồn: Ngân hàng Thế giới; sự xây dựng của tác giả theo Barrett (2018).

Giao diện người tiêu dùng đang thay đổi từ các chi nhánh vật lý sang truy cập số thuận tiện từ mọi nơi. Giao diện người dùng kỹ thuật số (ví dụ: trang điện tử, thiết bị di động) cho phép các tổ chức cung cấp mới tiếp cận trực tiếp với người tiêu dùng cả gần và từ xa. Bằng cách sử dụng ứng dụng từ các đối thủ cạnh tranh khác nhau, người tiêu dùng có thể xây dựng ngân hàng hoàn chỉnh của riêng mình và nhận được nhiều dịch vụ được cá nhân hóa hơn. Điều này có thể làm giảm giá trị của các mạng lưới vật lý cũ và khả năng giữ chân khách hàng hiện tại, những người có thể dễ dàng chuyển tiền sang các tổ chức cung cấp khác nhau để tiếp cận các dịch vụ phù hợp hơn (Shevlin 2019). Ví dụ, sự

sáng tạo của tiền di động là sổ cái tài khoản dựa trên mạng lưới được cung cấp bởi những tổ chức phi ngân hàng và nhà mạng di động mà tận dụng cơ sở hạ tầng kết nối mạng di động vốn đã phổ biến. Điều này được kết hợp với một hệ sinh thái mới gồm mức độ tự động hóa cao và các đại lý cung cấp giao diện khách hàng với chi phí thấp để loại bỏ hầu hết các quy trình hỗ trợ. Hệ sinh thái tiền di động cung cấp các giao dịch có giá trị thấp/khối lượng lớn một cách hiệu quả về mặt chi phí, khiến đây trở thành một dịch vụ khả thi cho các phân khúc khách hàng có thu nhập thấp. Tương tự, các công ty Fintech thanh toán tổng hợp (ví dụ: Square và Stripe) cung cấp dịch vụ thanh toán thuận tiện cho thương nhân mà không cần họ thiết lập tài khoản thương nhân với ngân hàng xử lý. Các công ty này đóng vai trò là 'người bán hồ sơ' chịu trách nhiệm tuân thủ các yêu cầu của mạng lưới và ngân hàng. Một phát triển liên quan là khách hàng có thể thực hiện giao dịch với các tổ chức bên ngoài, không có trách nhiệm pháp lý với khách hàng. Trên internet, việc tổ chức cung cấp ở Kansas hay Kathmandu không thành vấn đề đối với người tiêu dùng (mặc dù điều đó có thể quan trọng đối với cơ quan quản lý!) Các dịch vụ đã được hiệu chỉnh theo cho phù hợp.

Các công ty phi tài chính cũng có thể tận dụng kết nối và dữ liệu khách hàng để cung cấp dịch vụ tài chính, thay đổi môi trường cạnh tranh và xóa mờ ranh giới ngành. Khi các ứng dụng di động và internet đã trở thành phương tiện thống trị trong cuộc sống của người tiêu dùng và hoạt động kinh doanh, thương mại điện tử, viễn thông, tìm kiếm trực tuyến, hậu cần/vận tải và các nền tảng truyền thông xã hội đã trở thành những người gác cổng mới cho khách hàng. Các nền tảng kỹ thuật số và các công nghệ lớn nói riêng có vị trí thuận lợi để khai thác trực tiếp mạng lưới và dữ liệu khách hàng rộng lớn của họ (BIS, 2019). Họ có thể cung cấp các dịch vụ tài chính phù hợp theo ngữ cảnh cho tệp khách hàng cơ sở của mình để nâng cao trải nghiệm hoặc tăng doanh số bán sản phẩm cốt lõi của họ. Ví dụ: các nền tảng thương mại điện tử, gọi xe và truyền thông xã hội đã tích hợp các dịch vụ thanh toán liền mạch để củng cố giá trị của mình trong các thị trường cốt lõi. Bảo hiểm vi mô đã được đưa vào dịch vụ tiền di động và hoạt động bán các sản phẩm tiêu dùng. Người dùng không sử dụng hầu hết các dịch vụ tài chính mà chỉ xem chúng như một phương tiện cho một hoạt động khác (ví dụ: trả tiền cho taxi để đến đích, vay vốn lưu động để có hàng tồn kho). Do đó, việc đưa dịch vụ tài chính trực tiếp vào hoạt động cốt lõi đó có thể hấp dẫn khách hàng. Nó thậm chí có thể khiến khách hàng nhận thức rõ hơn về các dịch vụ mà họ có thể chưa biết hoặc có thể họ chưa có quyền tiếp cận. Kể từ khi hoạt động ngân hàng xuất hiện, các ngân hàng đã sử dụng mối quan hệ khách hàng để bán chéo các dịch vụ tài chính; hiện nay ngày càng nhiều tổ chức phi ngân hàng đang làm điều tương tự.

Bộ phận hậu cần và trung gian đang được tái cấu trúc – hoặc bị loại bỏ hoàn toàn. Công nghệ đã giảm chi phí và nhu cầu đối với phần lớn cơ sở hạ tầng văn phòng hậu cần truyền thống, từ việc xử lý giấy tờ đến trung tâm dữ liệu. Bộ phận hậu cần đang được tái

cấu trúc để giảm chi phí và cải thiện khả năng giao tiếp. Tự động hóa quy trình và nâng cấp phần mềm và hệ thống công nghệ thông tin đang dẫn tới sự tái cấu trúc các tổ chức tài chính và giảm số lượng nhân viên toàn thời gian. Các chức năng của bộ phận trung gian như hòa giải ngày càng không cần thiết. Toàn bộ quy trình và nhiều kỹ năng trước đây phải thuê ngoài có thể thay thế bằng hệ thống tự động hóa hoặc chuyên gia. Điều này cũng tạo cơ hội cho các bên thứ ba tham gia, chẳng hạn như các tổ chức cung cấp dịch vụ điện toán đám mây và các công ty Fintech có khả năng chuyên biệt là bán phần mềm dưới dạng dịch vụ (SaaS) cho ngân hàng (ví dụ: xử lý dữ liệu, chấm điểm tín dụng, nhận dạng khách hàng điện tử (e-KYC)). Thí dụ một ngân hàng có thể làm việc với một công ty chấm điểm tín dụng để tận dụng dữ liệu độc đáo và chuyên môn chấm điểm nhằm mang lại trải nghiệm thông suốt cho khách hàng.

Không bị cản trở bởi các hệ thống cũ, một số công ty mới tham gia đã xây dựng nền tảng phần mềm mới để xử lý các hoạt động ngân hàng cốt lõi của họ, trong khi những công ty khác đi thuê. Các tổ chức cung ứng cơ sở hạ tầng điện toán đám mây và BaaS cho phép các ngân hàng nhỏ thuê ngoài hoạt động công nghệ và tận dụng các hệ thống mới nhất để cạnh tranh cùng với các ngân hàng lớn hơn. Chúng cho phép các công ty khởi nghiệp nhỏ mua không chỉ khả năng xử lý và lưu trữ dữ liệu mà còn cả các điểm truy cập vào cơ sở hạ tầng được quản lý và tuân thủ quy định. Do đó, những chủ thể nhỏ hơn có thể gia tăng hiệu quả hoạt động song song với cơ sở khách hàng của họ mà không cần chi phí đầu tư ban đầu và các đường cong chi phí chức năng như trước đây.

Công nghệ cũng đã đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa các chức năng của bộ phận hậu cần (bộ phận hỗ trợ). Nhiều thập kỷ vừa qua đã chứng kiến xu hướng thuê ngoài các chức năng hậu cần. Nhiều công ty tài chính lần đầu tiên chuyển trung tâm chăm sóc khách hàng và dịch vụ khách hàng sang các nước có chi phí thấp; sau đó họ sẽ chuyển đổi hoạt động xử lý ứng dụng và công nghệ thông tin. Xu hướng này ngày càng gia tăng do sự ra đời của điện toán đám mây. Toàn bộ hệ thống công nghệ thông tin, bao gồm cả hệ thống ngân hàng lõi, giờ đây có thể được lưu trữ ở mọi nơi trên thế giới. Ở những khu vực có khung pháp lý chung, thậm chí toàn bộ việc cung cấp một số sản phẩm và dịch vụ có thể nằm ngoài ranh giới quốc gia mà khách hàng đang được phục vụ. Ví dụ: một ngân hàng kỹ thuật số có trụ sở tại Litva có thể kết hợp các sản phẩm và dịch vụ từ nước khác trong Liên minh Châu Âu (EU) và cung cấp chúng cho khách hàng trên toàn EU. Mặt khác, tại các khu vực pháp lý hạn chế sử dụng cơ sở hạ tầng dựa trên điện toán đám mây và/hoặc việc xử lý và lưu trữ dữ liệu ở nước ngoài (do nội địa hóa dữ liệu hoặc các chính sách khác) thì hiệu quả và khả năng tiếp cận có thể giảm. Điều này đặc biệt đúng nếu thị trường quá nhỏ để hỗ trợ cơ sở hạ tầng địa phương của chính nó. Việc chuyển đổi các chức năng của bộ phận hỗ trợ – cùng các quy trình liên quan và dữ liệu khách hàng – sang các khu vực pháp lý khác có thể đặt ra một loạt thách thức giám sát mới.

Cơ sở hạ tầng hỗ trợ đang thay đổi. Phần lớn cơ sở hạ tầng truyền thống, vừa là chi phí vừa là nguồn lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp hiện tại, có thể bị giảm bớt, thay thế hoặc phải chia sẻ. Cơ quan đăng ký nhận dạng kỹ thuật số (ID) và nhận biết khách hàng (KYC) được triển khai ở nhiều quốc gia và có thể giúp xác định lại quy trình xác thực từ lâu đã yêu cầu xác thực trực tiếp tại chi nhánh (D'Silva và cộng sự, 2019). Các cơ sở hạ tầng mới như nền tảng API để thanh toán hoặc cho vay và hệ thống sổ cái phân tán có thể hỗ trợ tài sản mã hóa hoặc stablecoin, có thể tạo ra hiệu ứng mạng lớn và thay đổi vai trò hoặc thậm chí loại bỏ vai trò trung gian của một số chủ thể nhất định (Arner và cộng sự, 2020). Các sáng kiến ngân hàng mở yêu cầu các ngân hàng chia sẻ dữ liệu khách hàng với các công ty Fintech. Ở một số khu vực pháp lý, các ngân hàng phải bắt đầu các giao dịch do Fintech giới thiệu theo yêu cầu của khách hàng, điều này càng làm xói mòn mối quan hệ khách hàng truyền thống. Đồng thời, những đổi mới trong hệ thống thanh toán đã cho phép các tổ chức phi ngân hàng tiếp cận hoạt động thanh toán. Một mặt, API ngân hàng mở cho phép các tổ chức phi ngân hàng cung cấp dịch vụ khởi tạo thanh toán mà không cần phải tham gia vào bất kỳ hệ thống thanh toán nào. Mặt khác, ngân hàng trung ương các nước đang yêu cầu các tiêu chuẩn tiếp cận minh bạch và dựa trên rủi ro đối với các hệ thống thanh toán và quyết toán, thay thế các hạn chế trước đây vốn chỉ cho phép các ngân hàng tiếp cận.

### **3. Hàm ý đối với cấu trúc ngành của lĩnh vực tài chính**

#### ***3.1 Hàm ý đối với việc gia nhập thị trường***

Sáng tạo kỹ thuật số đã giảm bớt rào cản về chi phí, cho phép những chủ thể mới và nhỏ hơn tham gia. Việc loại bỏ nhiều chi phí cố định và giảm chi phí biến đổi và chi phí chuyển đổi giúp các tổ chức cung cấp chi phí thấp có thể tham gia thị trường, tuân theo quy định của địa phương. Mặc dù việc phát triển thương hiệu vẫn cần được thực hiện, nhưng các tổ chức cung cấp nhỏ có nhiều khả năng đạt được hiệu quả về mặt kinh tế hơn so với trước đây. Những tổ chức cung cấp mới như vậy có thể bỏ qua các phân khúc khách hàng và cơ sở doanh thu cụ thể của các tổ chức cung cấp truyền thống hoặc mở rộng khả năng tiếp cận tài chính cho các phân khúc chưa được phục vụ trước đây mà không cần phải đạt được quy mô và phạm vi lớn. Các ứng dụng, nền tảng phần mềm và điện toán đám mây đã cho phép các doanh nhân nhanh chóng khởi nghiệp mà không cần phải huy động số vốn khổng lồ để tài trợ cho các khoản đầu tư trả trước lớn. API và các sáng kiến ngân hàng mở có khả năng đẩy nhanh hơn nữa xu hướng này, vì một dịch vụ mới không cần phải khiến khách hàng rời xa tổ chức truyền thống và do đó có thể tạo dựng niềm tin thông qua cung ứng dịch vụ lên trên mạng lưới an toàn do các tổ chức truyền thống cung cấp.

Kết nối cơ sở hạ tầng và giảm nhu cầu về các chi nhánh vật lý cho phép các công ty từ các lĩnh vực khác cũng tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ tài chính. Những tổ chức

này có thể triển khai các quy trình tự động thay vì thuê lực lượng lao động chuyên môn, kết nối với cơ sở hạ tầng giao dịch tài chính và tận dụng cơ sở hạ tầng điện toán đám mây để giảm chi phí thâm nhập sang thị trường khác. Đối với nhiều tổ chức cung cấp mới này, chẳng hạn như các công ty nền tảng kỹ thuật số và một số công ty viễn thông, niềm tin của người tiêu dùng và cơ sở khách hàng đã được thiết lập tại các thị trường cốt lõi của họ và có khả năng chuyển sang lĩnh vực tài chính (Oliver Wyman 2019). Một số có thể kết hợp các dịch vụ tài chính với các sản phẩm hoặc năng lực cốt lõi khác như một phần của việc cung cấp nền tảng. Điều này đặc biệt phù hợp ở EMDE nơi hệ thống tài chính kém phát triển hơn và khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính hạn chế hơn. Điều này mang lại cho các công ty Fintech và công nghệ lớn nhiều cơ hội hơn để mở rộng hoạt động tài chính của họ và cạnh tranh với các công ty cung ứng dịch vụ tài chính truyền thống (FSB 2020).

Việc tham gia vào các dịch vụ tài chính được đẩy nhanh nhờ khả năng biến việc tuân thủ quy định thành một quy trình tích hợp công nghệ. Một số ngân hàng đã xây dựng nền tảng BaaS để phục vụ các công ty Fintech và thậm chí cả các ngân hàng khác. Họ có thể kết nối những khách hàng này với hệ thống thanh toán hoặc bảng cân đối ngân hàng, do đó giảm nhu cầu phải đáp ứng sự phức tạp của việc cấp phép, quy định và phát triển hệ thống ngân hàng cốt lõi của riêng họ. Nhờ biết tận dụng BaaS, những tổ chức mới có thể khai thác các tổ chức cung cấp bảng cân đối kế toán và giao dịch tài chính hiện có vốn đã được Nhà nước quản lý. Khi ngân hàng mở có hiệu lực, họ cũng có thể tận dụng dữ liệu và đôi khi là chức năng của các tài khoản tài chính hiện có. Điều này cho phép gia tăng phạm vi mà tài chính có thể tham gia vào; đặc biệt, một loạt nền tảng thương mại hoặc tình huống giao dịch có thể dựa vào dịch vụ tài chính từ tổ chức cung cấp BaaS mà không cần nhiều hệ thống và chi phí tuân thủ cần thiết như trước đây. Trong khi cạnh tranh ngày càng gia tăng, việc tiếp cận vào lĩnh vực ngân hàng chính thức ở nhiều mặt và nhiều tầng lớp sẽ đặt ra những thách thức mới cho các cơ quan quản lý và giám sát, như được thảo luận dưới đây.

### **3.2 Thay đổi hiệu quả kinh tế theo quy mô và phạm vi**

Tuy nhiên, các lực lượng kinh tế cơ bản vẫn có ảnh hưởng. Hiệu quả kinh tế theo quy mô và phạm vi vẫn tồn tại, ngay cả khi hiệu quả quy mô tối thiểu để cung cấp dịch vụ thấp hơn đối với khách hàng cá nhân và đối với hầu hết các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính. Điều đó đã được thực hiện thông qua chuyển một phần hiệu quả kinh tế theo quy mô sang các tổ chức cung cấp cơ sở hạ tầng; hiệu quả kinh tế theo quy mô vẫn có hiệu lực cao trong các lĩnh vực điện toán đám mây, xử lý dữ liệu và nền tảng phần mềm. Trên thực tế, các hình thức hiệu quả kinh tế theo quy mô mới đã xuất hiện trong lĩnh vực kết nối và điện toán đám mây, cùng với hiệu quả kinh tế theo quy mô hiện có về vốn, bao gồm cả danh tiếng hay “vốn tín thác”.

Trong kỷ nguyên tài chính số, những ma sát kinh tế không hề biến mất mà mang những hình thức mới. Chi phí dịch vụ trong nhiều trường hợp đã giảm nhưng chắc chắn không thể loại bỏ được. Các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính, đặc biệt là các tổ chức cung cấp dịch vụ phi ngân hàng mới, phải đối mặt với hai chi phí quan trọng trên thị trường phân tách:

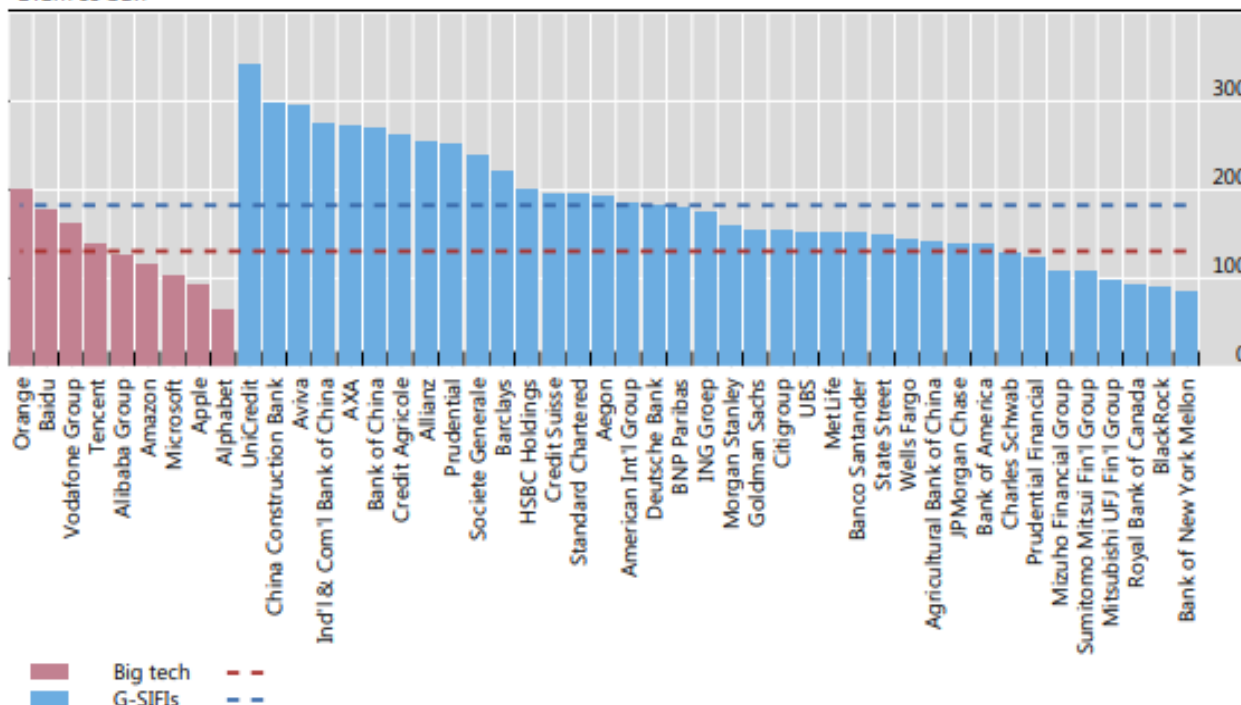
- *Chi phí thu hút khách hàng.* Chi phí thu hút khách hàng, bao gồm tiếp thị, đào tạo, KYC và đánh giá tín dụng ban đầu, vẫn đáng kể so với doanh thu, đặc biệt là đối với các dịch vụ tài chính bán lẻ. Điều này một phần là do các yêu cầu pháp lý, nhưng chi phí tiếp thị và các chi phí đào tạo khác vẫn phù hợp ngay cả khi có thể tương tác từ xa (ví dụ: tận dụng e-KYC). Mặc dù công nghệ giúp việc tiếp cận trực tiếp người dùng bằng kỹ thuật số trở nên dễ dàng nhưng chi phí để có được khách hàng mới vẫn cao do sức ì của người dùng, điều này đặc biệt hiện diện trong các ngành kinh doanh bán lẻ và SME. Chi phí thu hút khách hàng cũng rất lớn đối với khách hàng doanh nghiệp vì việc tích hợp hệ thống và thay đổi quy trình kinh doanh có thể phức tạp và việc đánh giá tín dụng ban đầu cũng phức tạp hơn. Việc khấu hao những chi phí này và các chi phí cố định khác cho nhiều khách hàng và sản phẩm hơn cho phép đạt được hiệu quả kinh tế theo quy mô và phạm vi. Điều này đương nhiên mang lại lợi thế cho những tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính đương thời có quy mô lớn và công nghệ lớn.

- *Chi phí tài trợ.* Như đã lưu ý ở trên, một số sản phẩm có tính bổ sung tự nhiên giúp giảm chi phí cung cấp sản phẩm này hoặc sản phẩm kia nếu được cung cấp song song. Rõ ràng nhất, việc cho vay sẽ tiết kiệm hơn nếu có được nguồn vốn rẻ dưới hình thức tiền gửi. Có những sự bổ sung khác trong các công cụ phái sinh, cho vay cổ phiếu, bảo hiểm, v.v. Quy mô và sự đa dạng hóa mà nó mang lại có thể mang lại lợi thế về vốn do rủi ro thấp hơn và tính thanh khoản cao hơn so với các chứng khoán (trái phiếu, cổ phiếu) được phát hành theo quy mô lớn. Nhìn chung, các công ty công nghệ lớn có chi phí vốn cao hơn các tổ chức tài chính quan trọng có hệ thống trên phạm vi toàn cầu (G-SIFI) do sử dụng nhiều vốn chủ sở hữu hơn và không có tiền gửi. Tuy nhiên, khi phân tích các thành phần công cụ tài trợ vốn tương tự (tức là trái phiếu), chi phí phát hành của các công ty công nghệ lớn có xu hướng thấp hơn (Biểu đồ 6).

### Chênh lệch lãi suất trung bình của trái phiếu hiện hành so với trái phiếu chính phủ tiêu chuẩn tại thời điểm phát hành

Điểm cơ bản

Biểu đồ 6



Các đường ngang đứt nét biểu thị mức trung bình đơn giản. Mức chênh lệch lãi suất trung bình của trái phiếu hiện hành so với trái phiếu chính phủ khi phát hành được thu thập bởi Bloomberg SRCH. Thời gian truy cập vào ngày 3 tháng 9 năm 2020. Các bộ lọc được sử dụng: Công ty, Trái phiếu hiện hành, Ngày phát hành >01/01/2013 và Tên tổ chức phát hành như được liệt kê trong biểu đồ.

Nguồn: Cornelli và cộng sự (2020b); Bloomberg.

Người tiêu dùng và những người dùng khác cũng gặp phải những ma sát trên thị trường dịch vụ tài chính phân tách. Khi người tiêu dùng cân bằng giữa sự lựa chọn và sự tiện lợi, họ có thể ưa chuộng các công ty cung cấp phạm vi rộng hơn:

- *Chi phí lắp ráp.* Sự đơn giản và tiện lợi có giá trị đáng kể, thường dẫn đến sự ưu tiên dành cho một tổ chức cung cấp duy nhất cung cấp bộ sản phẩm và dịch vụ tài chính tích hợp, ngay cả khi mỗi sản phẩm riêng lẻ có thể kém tiện lợi hơn, được thiết kế tốt hoặc đắt hơn một chút so với các sản phẩm thuộc phân khúc thay thế khác. Đối với nhiều người tiêu dùng, họ phải bỏ thời gian, công sức và đối mặt với sự nhầm lẫn tiềm ẩn khi tập hợp các dịch vụ rời rạc từ các tổ chức cung cấp không được gộp chung và khi luân chuyển các khoản tiền giữa chúng. Vì vậy, hầu hết người tiết kiệm vẫn sử dụng các trung gian hoặc nền tảng để gửi tiết kiệm của họ thay vì tìm kiếm từng người vay. Tương tự, “tài chính tùy theo bối cảnh” (“contextualized finance”) đưa dịch vụ tài chính vào hoạt động kinh tế thực tế mà khách hàng đang tìm cách thực hiện (ví dụ: trả tiền cho một chuyến đi trên nền tảng gọi xe, vay tiền trên nền tảng thương mại điện tử). Điều này có thể cung cấp dịch vụ một cách chính xác khi cần thiết. Khi khách hàng đã sử dụng một tổ chức cung cấp nền tảng hoặc công nghệ lớn, chi phí quảng cáo sẽ giảm và sự thuận tiện cho người dùng sẽ tạo ra tính kinh tế theo phạm vi cho tổ chức cung cấp. Sự nổi lên của các “siêu ứng dụng”

như WeChat, AliPay, Yandex và Grab cũng như các đối thủ như Rappi và Revolut bổ sung nhiều dịch vụ khác, là minh chứng cho giá trị mà người tiêu dùng đặt ra khi có thể truy cập một nguồn duy nhất cung cấp nhiều dịch vụ.

- *Chi phí chuyển đổi.* Khi cân nhắc thay đổi nhà cung cấp, khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp và tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính sẽ đối mặt những rào cản dưới dạng sức ì, sự bất tiện và khó khăn trong việc gỡ bỏ một dịch vụ đã được liên kết với nhiều hoạt động và hệ thống khác nhau. Thiết kế kỹ thuật có chủ ý cũng có thể mang lại chi phí chuyển đổi. Khách hàng có thể đổ xô đến các nền tảng số có lượng khách hàng lớn để hưởng lợi từ hiệu ứng mạng lưới. Tuy nhiên, một khi đã trở nên lớn mạnh, các nền tảng có thể tìm cách tăng chi phí chuyển đổi. Nếu một dịch vụ đã được tích hợp vào nhiều hoạt động hoặc quy trình làm việc hoặc đã tích lũy dữ liệu quan trọng của khách hàng, thì dịch vụ đó cũng có thể cung cấp các dịch vụ tốt hơn hoặc phù hợp hơn mà các tổ chức cung cấp mới không thể sánh được. Khi xuất hiện các giao thức độc quyền hoặc sự khó khăn trong chia sẻ dữ liệu lịch sử, khả năng kết nối giữa các tổ chức cung cấp khác nhau có thể gặp cản trở.

### Mục lục



## ĐỀ TÀI KHOA HỌC

### 1. Đề tài cấp Bộ: Nghiên cứu giải pháp mở rộng kho dữ liệu Ngân hàng Nhà nước phục vụ mục tiêu quản lý điều hành và cung cấp dịch vụ công

- **Chủ nhiệm:** TS. Phan Thanh Đức - Trưởng khoa, Khoa Hệ thống thông tin quản lý, Học viện Ngân hàng
- **Mã số:** ĐTNH.016/22
- **Kết quả nghiệm thu:** Khá
- **Các nội dung chính:**

- Tổng quan về kho dữ liệu và mở rộng kho phục vụ quản lý điều hành, cung cấp dịch vụ công.

- Thực trạng nhu cầu mở rộng kho dữ liệu phục vụ quản lý điều hành, cung cấp dịch vụ công của Ngân hàng Nhà nước.

- Giải pháp mở rộng kho dữ liệu tại Ngân hàng Nhà nước phục vụ quản lý điều hành và dịch vụ công.

- **Mô tả tóm tắt:**

Nhằm mục tiêu nghiên cứu thực trạng về hệ thống công nghệ thông tin liên quan đến việc chia sẻ dữ liệu số trong Ngân hàng Nhà nước (NHNN), nghiên cứu các cơ chế, giải pháp làm giàu dữ liệu phục vụ mục tiêu quản lý điều hành và cung cấp dịch vụ công của NHNN, đề tài ĐTNH.016/22 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 đã làm rõ cơ sở lý thuyết liên quan đến kho dữ liệu bao gồm: khái niệm, các vấn đề liên quan đến kho dữ liệu, đặc điểm của kho dữ liệu, kiến trúc và nguyên lý của kho dữ liệu cũng như làm rõ vai trò quan trọng của kho dữ liệu trong hoạt động của các tổ chức và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công tại NHNN cũng đã được xem xét, nghiên cứu.

Chương 2 đã phân tích làm rõ các cơ sở pháp lý liên quan đến dữ liệu phục vụ Chính phủ điện tử, chương trình Chuyển đổi số quốc gia nói chung và ngành Ngân hàng nói riêng. Căn cứ trên cơ sở này, thực trạng kho dữ liệu của NHNN đã được phân tích và đánh giá trên các khía cạnh: (i) kiến trúc kho dữ liệu, (ii) các nguồn dữ liệu vào kho, (iii) các vùng dữ liệu chuyên đề trong kho và (iv) nhu cầu mở rộng dữ liệu của các đơn vị trong NHNN. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhu cầu về mở rộng kho dữ liệu của NHNN

phục vụ quản lý điều hành và cung cấp dịch vụ công là rất cần thiết và cần sớm thực hiện.

Trên cơ sở các phân tích thực trạng kho dữ liệu và nhu cầu dữ liệu của các đơn vị trong NHNN, Chương 3 đã đưa ra một số giải pháp mở rộng kho dữ liệu phục vụ quản lý điều hành và cung cấp dịch vụ công như: (i) mở rộng vùng dữ liệu chuyên đề phục vụ cung cấp dịch vụ công; (ii) tích hợp các nguồn dữ liệu mới từ bên ngoài vào kho dữ liệu NHNN; (iii) xây dựng hồ dữ liệu và (iv) một số giải pháp tăng cường. Đề tài cũng đã đưa ra lộ trình để triển khai hoạt động mở rộng và khai thác kho dữ liệu của NHNN.

### Mục lục

## **2. Đề tài cấp Bộ: Quy trình xử lý vận hành của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia theo thiết kế hybrid**

- **Chủ nhiệm:** TS. Đặng Đình Tân - Trưởng khoa, Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

- **Mã số:** ĐTNH.017/22

- **Kết quả nghiệm thu:** Đạt

- **Các nội dung chính:**

- Tổng quan về hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng.

- Quá trình phát triển, mô hình thiết kế và thực trạng quản lý, vận hành của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia.

- Bài học kinh nghiệm của quốc tế về chuyển đổi, quản lý, vận hành hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng theo thiết kế hybrid.

- Giải pháp và kiến nghị về chuyển đổi, quản lý, vận hành hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia theo thiết kế hybrid.

- **Mô tả tóm tắt:**

Nhằm nghiên cứu thực trạng hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng tại Việt Nam và phân tích các mô hình hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng theo thiết kế hybrid để đề xuất quy trình xử lý vận hành hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia theo thiết kế hybrid, đề tài ĐTNH.017/22 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 giới thiệu chung về bối cảnh, mục tiêu nghiên cứu, đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu của đề tài.

Chương 2 đã làm rõ những cơ sở lý thuyết liên quan đến hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng bao gồm: khái niệm, phân loại, xu hướng tiến hóa và đặc điểm về mô hình thiết kế của các hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng. Đề tài cũng đã nghiên cứu ảnh hưởng của các mô hình thiết kế của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng đến rủi ro thanh toán, các yếu tố thúc đẩy xu hướng phát triển của các hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng và đặc điểm hoạt động của các hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng giá trị cao trên thế giới hiện nay.

Chương 3 đã chỉ ra quá trình hình thành, vai trò và một số đặc điểm của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng như: (i) mô hình thiết kế và quy trình vận hành, (ii) thanh khoản, (iii) phương thức quyết toán trong hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng và (iv) rủi ro trong hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng. Đồng thời, đề tài cũng đã thống kê kết quả hoạt động của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng. Trên cơ sở đó, đề tài đã có những đánh giá về thực trạng của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia. Về cơ bản, hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng đang được vận hành an toàn, ổn định, thông suốt, đáp ứng nhu cầu thanh toán của các ngân hàng thành viên. Tuy nhiên, hệ thống vẫn còn một số hạn chế, vướng mắc như: (i) về tỉ lệ ký quỹ và thiết lập hạn mức nợ rỗng; (ii) về công cụ giám sát rủi ro của hệ thống; (iii) hệ thống sử dụng chuẩn tin điện. (iv) kiểm soát thời gian thanh toán,...

Chương 4 đã nghiên cứu kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về chuyển đổi, quản lý và vận hành hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng theo thiết kế hybrid như: Mỹ, Liên minh Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh và Canada, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Chương 5 đã nêu lên sự cần thiết và quan điểm về chuyển đổi, quản lý và vận hành hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng. Trên cơ sở đó, đề tài đã kiến nghị các giải pháp về chuyển đổi, quản lý và vận hành hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng theo thiết kế hybrid, bao gồm: (i) xây dựng và triển khai dự án phát triển hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, (ii) lựa chọn mô hình thiết kế và xác định lộ trình phù hợp, (iii) xác định tính năng mới của hệ thống và phân tích, đánh giá ảnh hưởng của thay đổi và (iv) hình thành nhóm nghiên cứu của ngân hàng Trung ương về vận hành của hệ thống.

## Mục lục

### **3. Đề tài cấp Cơ sở: Công tác thẩm định dự thảo kết luận thanh tra trong lĩnh vực ngân hàng - Thực trạng và giải pháp**

- **Chủ nhiệm:** ThS. Nguyễn Thị Kim Thành - Phó Trưởng phòng Cục I, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Mã số: ĐTNH-CS.001/22
- Kết quả nghiệm thu: Khá
- Các nội dung chính:

- Tổng quan về công tác thẩm định dự thảo kết luận thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực ngân hàng.

- Thực trạng triển khai công tác thẩm định dự thảo kết luận thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực ngân hàng.

- Kiến nghị giải pháp hoàn thiện công tác thẩm định dự thảo kết luận thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực ngân hàng.

- Mô tả tóm tắt:

Nhằm mục tiêu đánh giá quy định pháp luật, thực trạng triển khai công tác thẩm định dự thảo kết luận thanh tra (DTKLTT) chuyên ngành và đưa ra các giải pháp, kiến nghị hoàn thiện công tác thẩm định DTKLTT chuyên ngành, đề tài ĐTNH-CS.001/22 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 đã đưa ra một số lý luận về thẩm định DTKLTT bao gồm khái niệm, các đối tượng liên quan và các nhân tố ảnh hưởng đến việc thẩm định DTKLTT. Đồng thời, đề tài cũng đã rà soát các quy định pháp luật về thẩm định DTKLTT, so sánh giữa Luật Thanh tra năm 2010 và năm 2022. Với những vấn đề trên, đề tài đã đặt ra sự cần thiết phải có cơ sở pháp lý quy định cụ thể về công tác thẩm định DTKLTT như: quy trình, tính pháp lý của văn bản thẩm định DTKLTT, trách nhiệm của người thẩm định DTKLTT... để thực hiện nhất quán trong toàn ngành và trong tất cả các lĩnh vực.

Chương 2 đã đưa ra thực trạng thẩm định DTKLTT chuyên ngành tại NHNN và đánh giá năng lực thực hiện và tính hiệu lực, hiệu quả của thẩm định DTKLTT chuyên ngành tại NHNN. Trên cơ sở đó, đề tài đã đưa ra các khó khăn, vướng mắc hiện nay trong công tác thẩm định DTKLTT trên các khía cạnh: (i) về tài liệu thẩm định, (ii) về phương pháp và nguyên tắc thẩm định DTKLTT, (iii) kết quả thẩm định và việc xử lý kết quả thẩm định, (iv) về giá trị pháp lý của Báo cáo kết quả thẩm định và (v) về thời gian tiến hành thẩm định. Đề tài cũng đã nghiên cứu kinh nghiệm triển khai công tác thẩm định DTKLTT của Thanh tra Chính phủ, thanh tra các Bộ, ngành và thanh tra tỉnh Điện Biên, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm.

Chương 3 đã đưa ra một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác thẩm định DTKLTT chuyên ngành trong lĩnh vực ngân hàng như: (i) hoàn thiện về hành lang pháp

lý; (ii) nâng cao nhận thức về thẩm định DTKLTT; (iii) nâng cao công tác đào tạo, tập huấn về thẩm định DTKLTT và (iv) hoàn thiện công tác phối hợp và chia sẻ thông tin.

#### **4. Đề tài cấp Cơ sở: Nghiên cứu công nghệ sản xuất pigment hấp thụ hồng ngoại ứng dụng cho mực in bảo an**

- **Chủ nhiệm:** TS. Trần Thị Thanh Thủy - Kỹ sư, Nhà máy In tiền Quốc gia.
- **Mã số:** ĐTNH-CS.004/22
- **Kết quả nghiệm thu:** Giỏi
- **Các nội dung chính:**
  - Tổng quan về các chất hấp thụ hồng ngoại ứng dụng cho mực in tiền.
  - Nghiên cứu quy trình tổng hợp pigment hấp thụ hồng ngoại.
  - Ứng dụng pigment đã tổng hợp để sản xuất thử nghiệm 1kg mực in bảo an.
- **Mô tả tóm tắt:**

Nhằm mục tiêu xây dựng quy trình tổng hợp pigment sáng màu, hấp thụ hồng ngoại ứng dụng cho mực in bảo an, đề tài ĐTNH-CS.004/22 đã triển khai các nội dung nghiên cứu cụ thể sau:

Chương 1 đã đưa ra một số lý luận về tia hồng ngoại và các ứng dụng liên quan đến hồng ngoại và các chất hấp thụ hồng ngoại ứng dụng trong in bảo an. Đề tài cũng đưa ra các nghiên cứu về chất hấp thụ hồng ngoại ứng dụng cho mực in tiền trên thế giới. Trên cơ sở đó, nhóm đã nghiên cứu thực trạng nghiên cứu và ứng dụng chất hấp thụ hồng ngoại ở Việt Nam. Qua nghiên cứu cho thấy, đến nay, vẫn chưa có công bố khoa học nào liên quan đến tổng hợp chất hấp thụ hồng ngoại ứng dụng cho mực in nói chung và mực in bảo an nói riêng.

Chương 2 tập trung nghiên cứu quy trình tổng hợp pigment hấp thụ hồng ngoại, trong đó đề tài tập trung vào các nghiên cứu: (i) lựa chọn quy trình phù hợp tổng hợp chất hấp thụ hồng ngoại từ nguồn nguyên liệu phổ biến; (ii) các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất quá trình tổng hợp; (iii) quá trình xử lý để thu pigment hấp thụ hồng ngoại đáp ứng mục tiêu ứng dụng và (iv) tổng hợp đồng hydroxyphosphat kết hợp graphen oxit khử hóa làm pigment hấp thụ hồng ngoại. Trên cơ sở các nghiên cứu trên, nhóm nghiên cứu đã xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho pigment hấp thụ hồng ngoại sáng màu và tổng hợp kết quả nghiên cứu về quy trình tổng hợp chất hấp thụ hồng ngoại và tiêu chuẩn cơ sở cho pigment.

Trong chương 3, đề tài đã nghiên cứu chọn tỷ lệ pigment phù hợp sử dụng trong mực in để sản xuất thử nghiệm 1kg mực bảo an. Trên cơ sở đó, đề tài đã có đánh giá các thông số chất lượng mực pha chế thử nghiệm và báo cáo kết quả, khả năng ứng dụng vào thực tiễn.

### Mục lục

## ẤN PHẨM KHOA HỌC

### 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về dịch vụ công ở Việt Nam hiện nay

- *Nguồn: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật*
- *Xuất bản: Tháng 11/2023*
- *Tác giả: TS. Trương Quốc Việt - ThS. Phạm Mai Linh (Đồng chủ biên)*
- *Giới thiệu ấn phẩm:*

Nội dung cuốn sách trình bày khái niệm và những đặc trưng, phân loại dịch vụ công, vai trò của nhà nước trong cung ứng dịch vụ công, phương thức cung ứng dịch vụ công, kinh nghiệm xã hội hóa dịch vụ công của một số quốc gia trên thế giới; các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng, chỉ số đo lường hiệu quả quản trị ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở phân tích xu hướng cải cách dịch vụ hành chính công theo hướng chính phủ điện tử của một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam, cuốn sách đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; vai trò quản lý của nhà nước đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công ích, kinh nghiệm quản lý dịch vụ công.

Cuốn sách là tài liệu tham khảo phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu các môn học liên quan đến các ngành Chính sách công, Xây dựng Đảng và chính quyền, Chính trị học; đồng thời góp phần làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn cung cấp dịch vụ công; các mô hình và xu hướng dịch chuyển phương thức cung cấp dịch vụ công cũng như vai trò, trách nhiệm của nhà nước và các chủ thể liên quan trong cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân và xã hội.

Viện CLNH trân trọng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này.

### 2. Kinh tế học thời khó nhọc

- *Nguồn: Nhà xuất bản Trẻ*
- *Xuất bản: Tháng 01/2024*
- *Tác giả: Abhijit V. Banerjee; Esther Duflo*
- *Dịch giả: Nguyễn Thị Kim Ngọc*
- *Giới thiệu ấn phẩm:*

Kinh tế học thời khó nhọc trình bày những nghiên cứu kinh tế mới nhất để gợi mở giải pháp cho những vấn đề kinh tế trọng yếu: Nhập cư, thương mại, tăng trưởng, bất bình đẳng, môi trường, ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Tìm ra cách đương đầu với những vấn đề kinh tế trọng yếu có lẽ là thử thách lớn nhất của thời đại chúng ta, hơn cả việc du hành vũ trụ hay đạt được cú đột phá mang tính cách mạng trong y học. Một cuộc sống tốt đẹp như chúng ta vẫn mong đang bị đe dọa.

Tình trạng nhập cư và nạn phân biệt đối xử, quá trình toàn cầu hóa và sự sụp đổ của công nghệ, tốc độ tăng trưởng chậm và biến đổi thời tiết ngày càng nghiêm trọng – đây là nỗi lo chung của toàn nhân loại, dù ở New Delhi hay Paris và Washington, DC. Chúng ta đã có nguồn lực để bắt tay vào giải quyết những vấn đề này, cái ta cần là những ý tưởng giúp ta vượt qua rào cản mang tên bất đồng và ngò vực lẫn nhau. Nếu ta thành công, lịch sử sẽ ghi nhận kỷ nguyên của chúng ta với lòng biết ơn, nếu thất bại, ta phải đối mặt với những mất mát không gì đo đếm được.

Trong cuốn sách đột phá này, hai nhà kinh tế học từng đạt giải Nobel năm 2019, Abhijit V. Banerjee - nhà kinh tế học nổi tiếng xuất thân từ MIT và Esther Duflo đương đầu với thử thách bằng những nghiên cứu kinh tế mới nhất, được diễn đạt vô cùng rõ ràng và duyên dáng. Độc đáo, gợi mở và có phần cấp bách, Kinh tế học thời khó nhọc đưa ra giải pháp thuyết phục dựa trên chủ nghĩa can thiệp thông minh và một xã hội lấy lòng trắc ẩn và tôn trọng lẫn nhau làm cốt lõi. Cuốn sách là một thành tựu lớn, là kim chỉ nam giúp ta thấu hiểu và trân trọng một thế giới vận hành trên sự bất ổn.

Viện CLNH trân trọng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này.

[Mục lục](#)



## SỰ KIỆN KHOA HỌC

### 1. Tọa đàm đối thoại chính sách “30 năm phát triển của Việt Nam: Nhìn lại quá khứ và ứng phó với thách thức mới”

- Thời gian tổ chức: 22/02/2024
- Hình thức: Trực tiếp
- Đơn vị thực hiện: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân phối hợp với Viện Nghiên cứu chính sách quốc gia Nhật Bản.
- Nội dung:

Ngày 22/02/2024, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân phối hợp với Viện Nghiên cứu chính sách quốc gia Nhật Bản đã tổ chức tọa đàm đối thoại chính sách với chủ đề “30 năm phát triển của Việt Nam: Nhìn lại quá khứ và ứng phó với thách thức mới”. Tham dự Tọa đàm, có đại biểu một số Bộ Ban ngành Trung ương như bà Phạm Thị Hồng Yến - Ủy viên Thường trực Ủy ban Kinh tế của Quốc hội; ông Bùi Xuân Dự - Vụ trưởng Vụ Thư ký - Biên tập, Văn phòng Chính phủ; ông Nguyễn Quang Huy - Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế tổng hợp, Ban Kinh tế Trung ương; ông Nguyễn Hoàng Dương - Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính ngân hàng, Bộ Tài Chính; ông Vũ Thanh Sơn - Cục trưởng Cục Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Ban Tổ chức Trung ương và nhiều chuyên gia kinh tế.

Mục tiêu của Tọa đàm là đánh giá thành tựu phát triển của Việt Nam trong vòng ba thập kỷ qua, nhận diện những thách thức phát triển trong bối cảnh mới, từ đó đề xuất một số khuyến nghị chính sách cho Việt Nam nhằm tăng trưởng bền vững và trở thành nước có thu nhập cao. Kết quả của Tọa đàm sẽ cung cấp thêm thông tin cho công tác nghiên cứu tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Chính phủ về các chủ trương, chính sách lớn về phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong bối cảnh mới.

Phát biểu tại Tọa đàm, GS.TS Phạm Hồng Chương - Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân cho biết trong hơn ba thập kỷ qua, Việt Nam đã chuyển đổi mạnh mẽ từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường; từ nền kinh tế đóng và thay thế nhập khẩu sang một trong những nền kinh tế có độ mở lớn nhất; từ nền kinh tế có thu nhập trung bình thấp sang nền kinh tế có thu nhập trung bình. Hiện nay, chúng ta hướng đến mục tiêu lớn lao hơn là trở thành “quốc gia phát triển có thu nhập cao” vào năm 2045. Theo GS.TS Phạm Hồng Chương, để đạt được mục tiêu này, nền kinh tế sẽ phải tăng trưởng với tốc độ bình quân hàng năm là 7% trong vòng hơn 20 năm tới. Việt Nam cũng đặt mục tiêu tăng trưởng xanh và toàn diện hơn, cam kết giảm 30% lượng khí thải metan và chấm dứt nạn phá rừng vào năm 2030, đồng thời đạt mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân cho hay, một số xu hướng lớn đang định hình tương lai của Việt Nam. Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo mang đến cơ hội nâng cao khả năng cạnh tranh và tính bền vững về kinh tế, chất lượng sản phẩm, dịch vụ và quy trình sản xuất; nhưng cũng đồng thời đặt ra nhiều thách thức to lớn như về hạ tầng, dân số già hóa đang ngày càng tăng lên... Đồng thời với đó là các vấn đề về chính trị, xã hội, thể chế.

Bên cạnh đó, môi trường kinh tế toàn cầu đang gặp phải những thách thức nghiêm trọng do những bất ổn, xung đột chính trị tại nhiều nơi trên thế giới. Điều này đang đặt ra những thách thức chưa từng có và có thể làm suy yếu tiến trình phát triển của Việt Nam cũng như của nhân loại trong thời gian tới.

Theo đánh giá chung của nhiều nhà nghiên cứu kinh tế, tăng trưởng mà Việt Nam có được trong thời gian qua phần lớn là do tác động của tự do hóa đúng thời điểm, lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên phong phú, lao động dồi dào... Liệu Việt Nam có thể tiếp tục tăng trưởng nhanh và bền vững, dần bước vào nhóm các nước có thu nhập cao, như Hàn Quốc và Đài Loan đã làm được trong thời gian qua hay chúng ta lại bước theo vết xe đổ của một số quốc gia lân cận như Thái Lan, Malaysia, Indonesia sau một thời gian dài vẫn loay hoay chưa thể thoát ra khỏi mức thu nhập trung bình hay rơi vào bẫy thu nhập trung bình là một câu hỏi lớn.

Các chuyên gia nhận định, giai đoạn 2024 - 2030 là giai đoạn quyết định để Việt Nam chuyển mình thành một nước công nghiệp theo tinh thần của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030. Đây là thời mốc quan trọng và mở ra nhiều cơ hội phát triển cho kinh tế nước ta đặc biệt là dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và cuộc CMCN 4.0. Do vậy, nhìn nhận, đánh giá các thành quả phát triển trong ba thập kỷ qua cũng như phân tích khả năng ứng phó với bối cảnh mới có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Tại Toạ đàm, nhiều diễn giả đã đánh giá tổng quan về tình hình phát triển của Việt Nam trong 30 năm qua và phân tích những tồn tại, vấn đề đặt ra cho nền kinh tế; phân tích các chính sách phát triển của Việt Nam, so sánh với kinh nghiệm của các quốc gia trong khu vực về xây dựng và thực thi chính sách phát triển. Đồng thời, gợi ý một số chính sách cho Chính phủ, các nhà quản lý và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam nhằm ứng phó với thách thức mới.

Theo trang tin Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

[Thông tin hội thảo](#)

[Mục lục](#)

## 2. Hội thảo khoa học “Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2024”.

- Thời gian tổ chức: 05/03/2024.
- Hình thức: Trực tiếp
- Đơn vị thực hiện: Đoàn Thanh niên NHTW phối hợp với Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Nội dung:

Sáng ngày 05/3/2024, tại Trụ sở NHNN, Đoàn Thanh niên NHTW phối hợp với Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức hội thảo khoa học “Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2024”.

Hội thảo có sự góp mặt của đồng chí Phạm Tiến Dũng - Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) – Ủy viên Ban cán sự Đảng; đồng chí Bùi Hoàng Tùng - Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đoàn; lãnh đạo các Vụ, Cục của NHNN...

Phát biểu tại Hội thảo, Phó Thống đốc Phạm Tiến Dũng đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với chuyên môn ngân hàng đã đổi mới rất nhiều so với ngày trước, nhiều nội dung mới trong các lĩnh vực quản lý đòi hỏi cần cập nhật kiến thức hàng ngày. Mặc dù vậy, Phó Thống đốc cho rằng, trước sự biến đổi không ngừng và phát triển về công nghệ kéo theo sự xuất hiện của nhiều nghiệp vụ mới nên kiến thức gắn liền với chuyên môn cần phải cập nhật liên tục. Do đó việc nghiên cứu là rất quan trọng, tuổi trẻ thanh niên trong ngành Ngân hàng cần đặc biệt chú trọng vấn đề này.

Phó Thống đốc đánh giá cao sự nhiệt huyết của tuổi trẻ ngành Ngân hàng trong việc tham gia các hoạt động gắn liền với góp ý các chính sách, văn bản pháp luật dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự Đảng NHNN như Luật phòng chống rửa tiền, Luật các Tổ chức tín dụng sửa đổi trong năm qua. Phó Thống đốc hy vọng, Đoàn Thanh niên sẽ có nhiều hoạt động nghiên cứu khoa học gắn liền với chuyên môn của kinh tế đất nước cũng như hơi thở cuộc sống. Với sức trẻ và tinh thần của thanh niên, các phong trào của Đoàn khối sẽ luôn nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc.

Đồng chí Trần Long - Phó Bí thư thường trực Đoàn Thanh niên NHTW cho biết, trong thời gian vừa qua, hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với tính sáng tạo của thanh niên luôn được Đoàn Khối các cơ quan Trung ương chú trọng đẩy mạnh. Mục đích là để các đoàn viên làm tốt công tác Đoàn, vừa đảm nhận tốt các hoạt động chuyên môn. Tại hội thảo khoa học “Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2024” nhiều vấn đề nền kinh tế quan tâm được đại diện các Chi đoàn chia sẻ như: Triển vọng kinh tế Việt Nam 2024; Chuyên đổi số ngân hàng tạo động lực phát triển kinh tế số, “Phát triển kinh tế tuần hoàn – nền tảng chủ đạo để thực hiện tăng trưởng xanh tại Việt Nam”...

Đại diện Chi đoàn Vụ Chính sách tiền tệ đã thông tin những điểm nổi bật nền kinh tế Việt Nam trong năm 2023. Đồng thời đưa ra những đề xuất, kiến nghị đáng chú ý đối với nền kinh tế trong năm 2024 như đẩy mạnh các động lực tăng trưởng truyền thống; điều hành hiệu quả chính sách tiền tệ, tài khóa; thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới; phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán...

Một vấn đề khác được ngành Ngân hàng chú trọng trong thời gian gần đây đó chính là chuyển đổi số được chia sẻ tại hội thảo. Bí thư Chi đoàn Vụ Thanh toán Nguyễn Trung Anh cho biết, chuyển đổi số ngành Ngân hàng thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Theo thống kê, hiện 95% ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã có, đang xây dựng hoặc dự tính sẽ xây dựng chiến lược chuyển đổi số, Trong đó, 38% ngân hàng đã phê duyệt chiến lược chuyển đổi số hoặc tích hợp chuyển đổi số trong chiến lược phát triển kinh doanh/công nghệ thông tin; 42% ngân hàng đang xây dựng chiến lược chuyển đổi số và 15% ngân hàng có dự định triển khai chuyển đổi số. Nhiều nghiệp vụ được đánh giá đã được số hóa 100% (bởi ít nhất 1 đơn vị) như Cung ứng dịch vụ thanh toán điện tử; Ví điện tử; thẻ ngân hàng; nhận tiền gửi tiết kiệm. 90% giao dịch của khách hàng được thực hiện qua kênh số (tại một số NHTM đi đầu về chuyển đổi số) Đa số công nghệ mới của ngành ngân hàng trên thế giới đều đã được ứng dụng tại các ngân hàng Việt Nam như QR, NFC, eKYC, API, Open banking, AL, ML, Big data...

Trong năm 2024, theo chia sẻ của đại diện Vụ Thanh toán, hoạt động chuyển đổi số của ngành Ngân hàng sẽ chú trọng tới hoàn thiện khuôn khổ pháp lý; triển khai các Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, Đề án 06/QĐ-TTg; tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn...

Theo trang tin của Thời báo Ngân hàng

[Thông tin hội thảo](#)

[Mục lục](#)

## THƯ MỜI VIẾT BÀI VÀ THAM DỰ HỘI THẢO, TỌA ĐÀM

### ***1. Hội thảo khoa học quốc gia “Kinh tế Việt Nam năm 2023 và triển vọng năm 2024: Thúc đẩy tổng cầu để tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới”.***

- Thời gian: Dự kiến cuối tháng 3/2024.
- Thời gian nhận bài viết: 03/03/2024.
- Địa điểm tổ chức: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Đơn vị tổ chức: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, phối hợp cùng Ban Kinh tế Trung ương và Ủy ban Kinh tế của Quốc hội.
- Nội dung:

Hội thảo tổng kết toàn diện kinh tế Việt Nam năm 2023, đánh giá thực trạng tổng cầu và các thành tố từ phía tổng cầu, đề xuất các khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy tổng cầu, hướng tới tăng trưởng kinh tế bền vững trong bối cảnh mới.

Hội thảo sẽ tập trung vào các nội dung sau:

(i) Làm rõ bối cảnh quốc tế và những tác động của thế giới đến kinh tế Việt Nam năm 2023;

(ii) Đánh giá diễn biến kinh tế Việt Nam năm 2023 thông qua các khu vực chính của nền kinh tế (khu vực kinh tế thực, khu vực đối ngoại, khu vực tài chính tiền tệ, khu vực tài chính ngân sách); thành tựu và những hạn chế, đánh giá nguyên nhân của những hạn chế;

(iii) Đánh giá thực trạng tổng cầu và các thành tố từ phía tổng cầu (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu), những kết quả đạt được, những hạn chế tồn tại và nguyên nhân;

(iv) Đánh giá đóng góp của các thành tố từ phía tổng cầu đến tăng trưởng kinh tế. Dự báo các kịch bản thành tố tổng cầu để đạt được các mục tiêu về tăng trưởng kinh tế;

(v) Phân tích những cơ hội và thách thức trong năm 2023; đánh giá triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2024; từ đó khuyến nghị chính sách thúc đẩy tổng cầu, từ đó đóng góp vào tăng trưởng một cách bền vững trong bối cảnh mới.

[Thông tin hội thảo](#)

[Mục lục](#)

## **2. Hội nghị quốc tế “Những thách thức toàn cầu và kênh truyền dẫn cho chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ”.**

- Thời gian: Dự kiến ngày 23-24/07/2024.
- Thời gian nhận bài viết: 15/03/2024.
- Địa điểm tổ chức: Frankfurt, Đức.
- Đơn vị tổ chức: Ngân hàng Trung ương Châu Âu, Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Tạp chí Kinh tế IMF.
- Nội dung:

Hội nghị sẽ tập trung vào những thách thức toàn cầu mới đối với chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ quốc tế.

Hội nghị sẽ tập trung vào các nội dung sau:

(i) Việc thực hiện chính sách tài khóa và tiền tệ trong bối cảnh các cú sốc nguồn cung toàn cầu, thị trường lao động thắt chặt và sự bất ổn chính trị và kinh tế vĩ mô ngày càng gia tăng;

(ii) Các kênh truyền dẫn quốc tế về chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong bối cảnh phân mảnh kinh tế toàn cầu và sự tương tác giữa ổn định tiền tệ và tài khóa;

(iii) Sự phối hợp quốc tế của các chính sách tiền tệ, tài khóa và các quy định pháp lý;

(iv) Tính bền vững của tài chính công với lãi suất tăng, sự can thiệp của chính sách tài khóa;

(v) Những tác động dài hạn và sự đánh đổi của chính sách tiền tệ và tài khóa.

Thông tin hội thảo

Mục lục

## **3. Hội nghị khai mạc của Mạng lưới nghiên cứu của hệ thống Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ESCB) về truyền dẫn chính sách tiền tệ (“ChaMP”)**

- Thời gian: Dự kiến ngày 25-26/04/2024.
- Địa điểm tổ chức: Frankfurt, Đức.

- Đơn vị tổ chức: Hệ thống Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ESCB).
- Nội dung:

Hệ thống Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ESCB) đang triển khai một sáng kiến nghiên cứu lớn nhằm nâng cao hiểu biết về truyền tải chính sách tiền tệ ở khu vực đồng Euro và EU: Mạng lưới ChaMP (“Thách thức đối với Truyền tải chính sách tiền tệ trong một thế giới đang thay đổi”). Mạng lưới sẽ kiểm tra việc truyền tải thông qua hệ thống tài chính và đến nền kinh tế thực, đặc biệt tập trung vào tác động cuối cùng đến việc định giá và lạm phát của các công ty. Hội nghị khai mạc này đánh dấu sự khởi đầu của sáng kiến, nhằm mục đích truyền đạt các mục tiêu của nó tới công chúng, sẽ giới thiệu các nghiên cứu và thảo luận về truyền dẫn chính sách tiền tệ mới có liên quan về ý nghĩa chính sách của nó, bao gồm cả quan điểm thị trường. Điều này sẽ đạt được thông qua sự kết hợp giữa các bài thuyết trình nghiên cứu, bài phát biểu của các nhà hoạch định chính sách và một hội thảo tập hợp các quan điểm khác nhau.

[Thông tin hội thảo](#)

[Mục lục](#)

**THÔNG TIN THAM KHẢO****Danh mục  
Bản tin nghiên cứu khoa học**

- [Bản tin NCKH tháng 01-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 02-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 03-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 04-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 05-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 06-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 07-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 08-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 09-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 10-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 11-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 12-2023](#)
- [Bản tin NCKH tháng 01-2024](#)
- [Bản tin NCKH tháng 02-2024](#)

**Danh mục  
Bản tin kinh tế vĩ mô**

- [Bản tin KTVM tháng 01&02-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 03-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 04-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 05-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 06-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 07-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 08-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 09-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 10-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 11-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 12-2023](#)
- [Bản tin KTVM tháng 01&02-2024](#)